



Báo cáo Đánh giá nhanh lần thứ hai về các tác động kinh tế-xã hội của Covid-19 đối với người khuyết tật ở Việt Nam

Tháng 2 năm 2022

Lời cảm ơn

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn 1792 người khuyết tật (NKT) đến từ 63 tỉnh thành, đã nhiệt tình tham gia cuộc khảo sát google form, phỏng vấn trực tiếp và qua điện thoại trong tháng 9 năm 2021. Cuộc khảo sát sẽ không thể thực hiện thành công nếu không có sự tham gia của các bạn, sự hỗ trợ tận tình của các tổ chức của NKT và các cộng tác viên. Các thông tin định danh của người tham gia khảo sát sẽ được giữ kín.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các chuyên gia trong nước và quốc tế, đại diện các tổ chức của và vì NKT đã tham gia buổi công bố kết quả nghiên cứu sơ bộ vào ngày 24/02/2022. Nhận xét và góp ý của các chuyên gia về kết quả nghiên cứu và phương pháp phân tích dữ liệu đã giúp ích rất nhiều cho việc hoàn thiện báo cáo này. Nội dung và phân tích của báo cáo, cùng với bất kỳ sai sót nào trong việc diễn giải, hoàn toàn thuộc về nhóm nghiên cứu. Chúng tôi cũng cảm ơn những đóng góp quan trọng của các đồng nghiệp tại UNDP và ACDC cho bảng hỏi và những đóng góp mang tính kỹ thuật khác trong quá trình nghiên cứu.

Việc tổ chức thành công lễ công bố vào ngày 24/2/2022 là một sự ghi nhận lớn đối với các kết quả nghiên cứu. Cuối cùng, đặc biệt trân trọng cảm ơn Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Việt Nam và Viện nghiên cứu vì sự phát triển cộng đồng ACDC đã tài trợ và trực tiếp thực hiện nghiên cứu này.

Nhóm nghiên cứu

- 1) Nguyễn Thị Lan Anh; 2) Đào Thu Hương; 3) Nguyễn Minh Châu; 4) Trần Thị Hoài

Các từ viết tắt

CSSK	Chăm sóc sức khỏe
KT-XH	Kinh tế - xã hội
HĐND	Hội đồng nhân dân
NKT	Người khuyết tật
NLĐ	Người lao động
NNKH	Ngôn ngữ ký hiệu
PVS	Phòng vấn sâu
TCTK	Tổng cục Thống kê
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TTLĐ	Thị trường lao động
UBND	Ủy ban Nhân dân
UBTVQH	Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

MỤC LỤC

Lời cảm ơn.....	2
Các từ viết tắt.....	3
MỤC LỤC	4
DANH MỤC BẢNG.....	5
DANH MỤC BIỂU.....	6
I. GIỚI THIỆU.....	8
1. Bối cảnh	8
2. Tóm tắt báo cáo	9
II. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN:.....	11
III. CÁC PHÁT HIỆN CỦA ĐÁNH GIÁ NHANH.....	14
1. Thông tin cơ bản của người khuyết tật tham gia đánh giá nhanh	14
2. Sự tiếp cận thông tin đa dạng của người khuyết tật về Covid - 19.....	16
3. Ảnh hưởng của Covid - 19: việc làm, thu nhập suy giảm và các biện pháp kinh tế thất chặt chỉ tiêu của NKT	18
4. Ảnh hưởng của Covid-19: những khó khăn trong bảo vệ sức khỏe và cảm nhận trái chiều của người khuyết tật	31
5. Các chiến lược đối phó với Covid 19	47
Bảng 20. Những hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho NKT theo giới (tỷ lệ % thừa nhận)	54
Bảng 21. Những hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho NKT theo vùng, miền (tỷ lệ % thừa nhận)	55
Bảng 22. Những hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho NKT theo dạng khuyết tật (tỷ lệ % thừa nhận)	56
IV. Kết luận.....	67
V. Khuyến nghị đối với chính phủ, các tổ chức của và vì người khuyết tật, các tổ chức xã hội dân sự, cộng đồng, UNDP, các cơ quan LHQ	68
1. Đề xuất các khuyến nghị cho chính phủ	68
2. Đề xuất các khuyến nghị cho các tổ chức của và vì người khuyết tật	68
3. Đề xuất các khuyến nghị cho các tổ chức xã hội dân sự và cộng đồng.....	68
4. Đề xuất các khuyến nghị cho UNDP và các cơ quan LHQ	69
Phụ lục 1	69

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Thông tin chung về người khuyết tật (N = 1792).....	14
Bảng 2. Tự đánh giá mức độ kiến thức của NKT về việc tiếp nhận những thông tin chính thức về COVID-19 (đơn vị: %)	16
Bảng 3. Số ngày làm việc bị giảm so với thời điểm trước Covid-19 của NKT (Đơn vị: %).....	18
Bảng 4. Mức thu nhập trung bình của gia đình NKT theo giới (đơn vị: %).....	20
Bảng 5. Cách thức đảm bảo chi phí sinh hoạt/tài chính trong bối cảnh Covid-19 của bản thân và gia đình (tỷ lệ % thừa nhận).....	25
Bảng 6. (tiếp) Cách thức đảm bảo chi phí sinh hoạt/tài chính trong bối cảnh Covid-19 của bản thân và gia đình (tỷ lệ % thừa nhận)	25
Bảng 7. Số tháng duy trì mức sống hiện tại nhờ sử dụng các khoản tiết kiệm của gia đình NKT (Đơn vị: %).....	27
Bảng 8. Những khó khăn trực tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT trong đợt dịch COVID-19 theo giới tính (tỷ lệ % thừa nhận)	31
Bảng 9. Những khó khăn trực tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT trong đợt dịch COVID-19 theo vùng, miền (tỷ lệ % thừa nhận).....	32
Bảng 10. Những khó khăn trực tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT trong đợt dịch COVID-19 theo dạng khuyết tật (tỷ lệ % thừa nhận)	32
Bảng 11. Những khó khăn gián tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT trong đợt dịch COVID-19 theo giới (tỷ lệ % thừa nhận)	37
Bảng 12. Những khó khăn gián tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT trong đợt dịch COVID-19 theo vùng, miền (tỷ lệ % thừa nhận).....	38
Bảng 13. Những khó khăn gián tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT trong đợt dịch COVID-19 theo dạng khuyết tật (tỷ lệ % thừa nhận)	39
Bảng 14. Cảm nhận của bản thân NKT trong đại dịch Covid 19 theo giới tính (tỷ lệ % thừa nhận)	43
Bảng 15. Cảm nhận của bản thân NKT trong đại dịch Covid 19 theo vùng, miền (tỷ lệ % thừa nhận)	44
Bảng 16. Cảm nhận của bản thân NKT trong đại dịch Covid 19 theo dạng khuyết tật (tỷ lệ % thừa nhận)	44
Bảng 17. Cách thức ứng phó của NKT và gia đình với dịch COVID-19 theo giới (tỷ lệ % thừa nhận)	48
Bảng 18. Cách thức ứng phó của NKT và gia đình với dịch COVID-19 theo vùng, miền (tỷ lệ % thừa nhận)	49
Bảng 19. Cách thức ứng phó của NKT và gia đình với dịch COVID-19 theo dạng khuyết tật (tỷ lệ % thừa nhận).....	49
Bảng 20. Những hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho NKT theo giới (tỷ lệ % thừa nhận)	54

Bảng 21. Những hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho NKT theo vùng, miền (tỷ lệ % thừa nhận)	55
Bảng 22. Những hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho NKT theo dạng khuyết tật (tỷ lệ % thừa nhận)	56
Bảng 23. Các tổ chức/cá nhân tham gia hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho gia đình của NKT theo giới (đơn vị: %)	60
Bảng 24. Các tổ chức/cá nhân tham gia hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho gia đình của NKT theo vùng, miền (đơn vị: %).....	61
Bảng 25. Các tổ chức/cá nhân tham gia hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho gia đình của NKT theo dạng khuyết tật (đơn vị: %).....	61
Bảng 26. Mức độ cần được hỗ trợ chống chọi với đại dịch Covid - 19 của NKT (đơn vị: %)	65

DANH MỤC BIỂU

Biểu 1. Thông tin chung về người khuyết tật	15
Biểu 2. Tự đánh giá mức độ kiến thức của NKT về việc tiếp nhận những thông tin chính thức về COVID-19.....	17
Biểu 3. Số ngày làm việc bị giảm so với thời điểm trước Covid-19 của NKT.....	19
Biểu 4. Mức thu nhập trung bình của gia đình NKT theo giới	22
Biểu 5. Mức thu nhập trung bình của gia đình NKT theo vùng, miền	22
Biểu 6. Mức thu nhập trung bình của gia đình NKT theo dạng khuyết tật.....	23
Biểu 7. Cách thức đảm bảo chi phí sinh hoạt/tài chính trong bối cảnh Covid-19 của bản thân và gia đình (tỷ lệ % thừa nhận)	26
Biểu 8. Số tháng duy trì mức sống hiện tại nhờ sử dụng các khoản tiết kiệm của gia đình NKT	29
Biểu 9. Số tháng trung bình duy trì mức sống hiện tại nhờ sử dụng các khoản tiết kiệm của gia đình NKT	30
Biểu 10. Những khó khăn trực tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT theo giới trong đợt dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận).....	34
Biểu 11. Những khó khăn trực tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT theo vùng, miền trong đợt dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận)	35
Biểu 12. Những khó khăn trực tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT theo dạng khuyết tật trong đợt dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận)	36
Biểu 13. Những khó khăn gián tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT theo giới trong đợt dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận).....	40
Biểu 14. Những khó khăn gián tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT theo vùng, miền trong đợt dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận)	41
Biểu 15. Những khó khăn gián tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT theo dạng khuyết tật trong đợt dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận)	42

Biểu 16. Cảm nhận của bản thân NKT theo giới trong đại dịch Covid 19 (tỷ lệ % thừa nhận) ...	45
Biểu 17. Cảm nhận của bản thân NKT theo vùng, miền trong đại dịch Covid 19 (tỷ lệ % thừa nhận)	46
Biểu 18. Cảm nhận của bản thân NKT theo dạng khuyết tật trong đại dịch Covid 19 (tỷ lệ % thừa nhận)	47
Biểu 19. Cách thức ứng phó của NKT và gia đình theo giới với dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận)	51
Biểu 20. Cách thức ứng phó của NKT và gia đình theo vùng, miền với dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận)	52
Biểu 21. Cách thức ứng phó của NKT và gia đình theo dạng khuyết tật với dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận).....	53
Biểu 22. Những hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho NKT theo giới (tỷ lệ % thừa nhận)	57
Biểu 23. Những hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho NKT theo vùng, miền (tỷ lệ % thừa nhận)	58
Biểu 24. Những hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho NKT theo dạng khuyết tật (tỷ lệ % thừa nhận)	59
Biểu 25. Các tổ chức/cá nhân tham gia hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho gia đình của NKT theo giới.....	62
Biểu 26. Các tổ chức/cá nhân tham gia hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho gia đình của NKT theo vùng, miền.....	63
Biểu 27. Các tổ chức/cá nhân tham gia hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho gia đình của NKT theo vùng, miền.....	64
Biểu 28. Mức độ cần được hỗ trợ chống chọi với đại dịch Covid - 19 của NKT	66

I. GIỚI THIỆU

1. Bối cảnh

So với năm 2020, tác động của đại dịch Covid - 19 trong năm 2021 được đánh giá là nghiêm trọng hơn. Chính phủ Việt Nam chủ trương thực hiện “mục tiêu kép”: vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế. Chủ trương này được áp dụng trong bối cảnh bùng phát đợt dịch lần thứ 4 và có sự xuất hiện của biến thể Delta. Tỷ lệ người dân, trong đó có NKT mắc COVID-19 tăng nhanh tại các tỉnh, thành phố lớn, đặc biệt ở khu vực phía nam¹. Chính phủ Việt Nam tiếp tục triển khai các biện pháp chống dịch một cách quyết liệt: Thủ tướng chính phủ Phạm Minh Chính đảm nhận cương vị Trưởng Ban chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19, tập trung các nguồn thông tin và huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị vào ngăn chặn sự lây lan và hậu quả của COVID-19. Các biện pháp nghiêm ngặt được áp dụng như: giãn cách xã hội, áp dụng giờ giới nghiêm, đóng cửa trường học, lập rào chắn...

Trên thực tế, Chính phủ áp dụng biện pháp phòng, ngừa theo các cấp độ dịch nên có sự khác biệt về cách thức ứng phó giữa các tỉnh, thành phố. Nhiều địa phương tiến hành phong tỏa, giãn cách từng khu vực hoặc toàn bộ địa bàn, làm ảnh hưởng lớn đến đời sống của hàng chục triệu người... Gói hỗ trợ tiền mặt 26 nghìn tỉ đồng theo Nghị quyết 68/NQ-CP mà Chính phủ ban hành năm 2021 đã được giải ngân nhanh hơn so với gói 62 nghìn tỉ được ban hành năm 2020. Tuy nhiên, chỉ có 04 người khuyết tật là đối tượng F0, F1 được hỗ trợ bổ sung với mức 01 triệu đồng/người từ gói hỗ trợ 26 nghìn tỉ² (không có con số phân tách cụ thể số lao động và người sử dụng lao động là người khuyết tật gặp khó khăn đã được hỗ trợ gói 26 nghìn tỉ).

Mặc dù các hoạt động kinh tế đã sớm được mở cửa trở lại, Việt Nam vẫn phải chịu những tác động tiêu cực của đại dịch tới các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội (KT – XH): Kinh tế tăng trưởng âm vào quý 3 khi dịch tấn công vào thành trì quan trọng của nền kinh tế là khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực doanh nghiệp sử dụng nhiều người lao động (NLĐ), nơi đóng góp nhiều cho ngân sách Nhà nước, nơi tạo công ăn, việc làm cho hàng chục triệu lao động. Nhiều khu công nghiệp phải tạm dừng hoạt động, dẫn đến hậu quả NLĐ phải di cư rời khỏi các tỉnh, thành phố bị ảnh hưởng nặng trong đợt dịch thứ tư (TP.HCM, Bình Dương, Đồng Nai, v.v.). Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê (TCTK), tăng trưởng GDP quý III/2021 giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam công bố GDP theo quý.

Sau khi đánh giá nhanh lần thứ nhất tác động của COVID-19 tới đời sống, sức khỏe và sinh kế của NKT được tiến hành vào tháng 03 – 04/2020, từ tháng 09/2020 đến tháng 06/2021, UNDP đã triển khai dự án hỗ trợ NKT chung sống an toàn với đại dịch dưới sự tài trợ của Chính phủ Nhật Bản. Dự án đã cải tạo điều kiện tiếp cận và trang bị dụng cụ phục hồi chức năng cho một bệnh viện cấp huyện, giúp cho hàng ngàn lượt NKT địa phương được CSSK cơ bản thuận lợi hơn trong đại dịch. Dự án cũng kịp thời cung cấp nhu yếu phẩm và đồ bảo hộ cá nhân cho 1.100 NKT tại các điểm nóng trong làn sóng dịch thứ tư, nâng cao nhận thức về

¹ Tính đến 17 giờ ngày 27/9/2021 Việt Nam có 766.051 trường hợp mắc, 538.454 trường hợp đã được chữa khỏi (18.758 trường hợp tử vong)

² <https://dangcongsan.vn/xa-hoi/hon-71-nghin-ty-dong-thuc-hien-cac-chinh-sach-ho-tro-an-sinh-xa-hoi-601326.html>

nhạy cảm giới, hòa nhập khuyết tật và kỹ năng công tác xã hội cho 106 cán bộ y tế địa phương, đào tạo kỹ năng số để tham gia vào thị trường lao động (TTLĐ) thời công nghệ 4.0 cho 57 NKT, nâng cao tính tiếp cận cho website của Bộ Y tế và bồi dưỡng năng lực biên tập tin bài để tiếp cận cho 12 cán bộ truyền thông của bộ này, tài trợ 6 tháng phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu (NNKH) trên bản tin vào giờ vàng của Đài Truyền hình Việt Nam để cung cấp thông tin chính thức về dịch bệnh cho người điếc và nhiều hỗ trợ thiết thực khác.

Đề cập nhất tình hình NKT trong đại dịch COVID-19 làm căn cứ cho những chương trình hỗ trợ tiếp theo, nghiên cứu này tìm hiểu những tác động của COVID 19 đến sức khỏe thể chất và tâm lý, cũng như sinh kế của NKT Việt Nam để đưa ra một số khuyến nghị chính sách về hòa nhập khuyết tật, chuẩn bị ứng phó với các đợt dịch COVID-19 tiếp theo hoặc các dịch bệnh tương tự trong tương lai.

2. Tóm tắt báo cáo

1) Bối cảnh thực hiện báo cáo

So với năm 2020, tác động của đại dịch Covid - 19 trong năm 2021 được đánh giá là nghiêm trọng hơn. Chính phủ Việt Nam có chủ trương thực hiện “mục tiêu kép”: vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế trong bối cảnh bùng phát đợt dịch lần thứ tư và có sự xuất hiện của biến thể Delta. Tỷ lệ người dân, trong đó có NKT mắc COVID-19 tăng nhanh tại các tỉnh, thành phố lớn, đặc biệt ở khu vực phía nam.

2) Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp phỏng vấn sâu (PVS) bằng điện thoại, PVS trực tiếp và khảo sát qua google form, định dạng dễ tiếp cận cho mọi dạng khuyết tật trong thời gian 3 tuần, từ ngày 8 tháng 9 đến 30 tháng 9 năm 2021.

Bảng hỏi nghiên cứu được thiết kế bao gồm 36 câu hỏi được cập nhật từ bảng hỏi Đánh giá Nhanh lần thứ nhất năm 2020 về tác động KT - XH của Covid-19 đối với NKT - khảo sát PAPI 2021 -, được thiết kế điều chỉnh, bổ sung dựa trên quá trình tham vấn với tổ chức của NKT và được thử nghiệm với 30 NKT.

Việc khảo sát được thực hiện trên quy mô toàn quốc, tại 63 tỉnh/thành phố với 7 vùng KT - XH, bao gồm cả khu vực thành thị, nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Đối tượng khảo sát bao gồm những người thuộc 6 dạng khuyết tật theo phân loại trong Luật NKT Việt Nam, là người Kinh và các dân tộc thiểu số khác. Cỡ mẫu khảo sát lên tới 1792 NKT. Những người này tham gia một cách ngẫu nhiên.

3) Những phát hiện chính

Trong bối cảnh bùng phát đại dịch Covid - 19, Chính phủ Việt Nam chủ trương đẩy mạnh cung cấp thông tin về tình hình dịch bệnh. Nhờ vậy, có tới 88% NKT đã được tiếp cận thông tin thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, như: ti vi, các trang mạng xã hội, báo mạng, tin nhắn trên di động hay trang web của Chính phủ.

Mất việc và suy giảm thu nhập là những nhân tố chính khiến 90% hộ gia đình NKT buộc phải sử dụng các biện pháp tiết kiệm các khoản chi tiêu thường nhật, như: Giảm chi phí ăn, uống (56%) và giảm hơn 1/3 chi phí sinh hoạt (so với trước Covid-19) (48%).

Nhiều hộ gia đình phải Sử dụng các khoản tiết kiệm (22%), Vay thêm các khoản mới (từ bạn bè, người thân...) (18%), thậm chí bán tài sản có giá trị (2%) để duy trì sinh hoạt tối

thiếu. Những khoản tiền tiết kiệm của hộ gia đình NKT chỉ có thể cho phép họ duy trì sinh hoạt trong khoảng 1,9 tháng.

Kết quả khảo sát cho thấy có tới 71,1% NKT gặp khó khăn trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, như: Khó tiếp cận thông tin chính thức, chính xác về bảo vệ sức khỏe, phòng chống COVID-19, bao gồm thông tin về vắc-xin (35%); Khó tiếp cận các nhu yếu phẩm như thực phẩm và sản phẩm vệ sinh do khan hiếm hàng hóa (28%); Khó tiếp cận dịch vụ hỗ trợ tâm lý – xã hội (24%).

Song song với đó, NKT cũng gặp Khó khăn khi tiếp cận các phòng khám, các dịch vụ kiểm tra sức khỏe và khám các bệnh không phải Covid-19 (46%); cảm thấy phụ thuộc và bất an hơn khi thu nhập gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng (32%); và khó khăn khi mua thuốc (24%).

Trong đại dịch Covid – 19, Chính phủ Việt Nam liên tục tung ra các biện pháp, chính sách, các gói hỗ trợ miễn phí dành cho việc chăm sóc, bảo vệ người dân. Điều đó giúp cho nhiều NKT cảm nhận bản thân được hỗ trợ (38%). Tuy nhiên, có tới 55% NKT cảm thấy lo lắng; thậm chí, 12% cảm thấy tuyệt vọng về viễn cảnh tương lai

Các chiến lược ứng phó với đại dịch Covid – 19 của NKT chủ yếu tập trung vào Ở nhà, hạn chế ra đường hết mức có thể (94%), tích trữ đồ ăn và các sản phẩm vệ sinh (49%), hay Nhận sự hỗ trợ của dịch vụ bảo trợ xã hội của Nhà nước và của các tổ chức xã hội (24%).

Có tới 74% NKT nhận được tối thiểu một loại hình hỗ trợ, trong đó, 33% được cung cấp Các sản phẩm bảo vệ sức khỏe như xà phòng, nước rửa tay khô, nước sạch, khẩu trang...; 22% được hỗ trợ lương thực, thực phẩm, 20% được hỗ trợ Tiền trợ cấp hoặc các hỗ trợ khác về tài chính.

Để có thể chống chọi và vượt qua cơn đại dịch, NKT mong muốn được hỗ trợ “Tiền trợ cấp hoặc các hỗ trợ khác về tài chính” (82%), “Thực phẩm” (79%), “Thuốc men” (75%), Các sản phẩm bảo vệ sức khỏe như xà phòng, nước rửa tay khô, khẩu trang... (73%) và trang thiết bị y tế (70%).

4) Kết luận

Đại dịch Covid – 19 đã gây ra nhiều xáo trộn cho đời sống xã hội và của NKT. Sự tham gia tích cực và tuyên truyền rộng khắp của Nhà nước và xã hội giúp cho đa số NKT nhận thức được ảnh hưởng của đại dịch và cách phòng tránh. Kết quả đánh giá nhanh này đã phần nào chứng minh NKT là một trong những nhóm dễ bị tổn thương nhất trong các bối cảnh khủng hoảng. Đại dịch đã tác động mạnh mẽ tới sức khỏe thể chất và tinh thần, việc làm và thu nhập của họ. Họ đã nhận được sự quan tâm và những hỗ trợ khẩn cấp từ Nhà nước và cộng đồng. Họ cũng chủ động ứng phó với dịch bệnh để tự bảo vệ sức khỏe và duy trì cuộc sống với những khoản tiết kiệm ít ỏi và phải thắt chặt chi tiêu.

Thực tế này đòi hỏi sự chung sức của Nhà nước và xã hội trong can thiệp, trợ giúp NKT, hướng tới một tương lai bền vững, phòng tránh và ứng phó hiệu quả hơn với những dịch bệnh, thảm họa tương tự.

5) Khuyến nghị

Đề xuất các khuyến nghị cho chính phủ

- Cần thực hiện các phân tích toàn diện hơn nữa về tác động của COVID-19 ở cấp vĩ mô và vi mô, từ đó, đưa ra các đề xuất trung và dài hạn hòa nhập NKT trong các chương trình phát triển KT-XH của đất nước.
- Cần sửa đổi Luật Bảo hiểm Y tế, bổ sung, tăng cường phạm vi thanh toán khám chữa bệnh cho NKT vừa điều trị covid, vừa điều trị các loại bệnh lý khác; xây dựng các quy định trợ giúp đặc thù cho NKT trong giai đoạn nhiễm bệnh và phục hồi.
- Cần tăng cường khả năng tiếp cận các gói trợ giúp xã hội của Chính phủ cho NKT, đồng thời đảm bảo mức trợ giúp đáp ứng nhu cầu tối thiểu trong suốt quá trình diễn ra đại dịch.
- Cần dành riêng một tỷ lệ nhất định phát triển cơ hội việc làm và thị trường tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ của NKT trong các gói kích cầu phát triển kinh tế của Chính phủ.

Đề xuất các khuyến nghị cho các tổ chức của và vì NKT

- Tăng cường các hoạt động truyền thông chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho NKT trong đại dịch; thực hiện kết nối NKT với doanh nghiệp và người sử dụng lao động; kết nối NKT với các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn bảo vệ sức khỏe, tư vấn tâm lý.
- Tăng cường vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ NKT; kết nối NKT có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với các tổ chức XH từ thiện, các nhà hảo tâm.
- Thực hiện tư vấn cho Chính phủ các biện pháp chăm sóc và bảo vệ sự an toàn cho NKT trong đại dịch.

Đề xuất các khuyến nghị cho các tổ chức XH dân sự và cộng đồng

Thực hiện các hoạt động hỗ trợ NKT vượt qua cơn đại dịch bằng các gói hỗ trợ về VL, thuốc chữa bệnh, lương thực, thực phẩm, động viên, lập danh sách các hộ gia đình của NKT cần sự hỗ trợ đột xuất hoặc dài hạn.

Đề xuất các khuyến nghị cho UNDP và các cơ quan LHQ

Nâng cao năng lực của Ủy ban Quốc gia về NKT trong việc vận động đưa NKT vào nhóm ưu tiên trong tất cả các kế hoạch, gói cứu trợ của chính phủ liên quan đến Covid 19 và năng lực điều phối liên bộ, liên ngành để đảm bảo NKT được hòa nhập kịp thời và tốt hơn trong các chính sách trên mọi phương diện khác, ngoài bảo trợ XH.

Tư vấn chuyên môn, hỗ trợ Bộ LĐTBXH để tăng số lượng NKT nhận được chứng nhận khuyết tật và tăng cường tính minh bạch của quá trình này.

Cung cấp nguồn lực tăng cường lực lượng dịch vụ trợ giúp XH của Bộ LĐTBXH dành cho NKT, đặc biệt là phụ nữ, người dân tộc thiểu số và trẻ em khuyết tật và trợ giúp tâm lý - XH cho NKT chịu nhiều tác động về tâm lý.

II. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN:

Nghiên cứu áp dụng phương pháp khảo sát qua google form, định dạng dễ tiếp cận cho mọi dạng khuyết tật trong thời gian 3 tuần, từ ngày 8 tháng 9 đến 30 tháng 9 năm 2021 khi làn sóng dịch thứ tư gây ảnh hưởng nặng nề tới các tỉnh phía Nam. Các cuộc phỏng vấn qua điện thoại, PVS sâu, kết hợp với phỏng vấn qua bảng hỏi được thực hiện với những NKT không thể tự điền bảng hỏi trực tuyến. Bảng hỏi nghiên cứu bao gồm 36 câu hỏi được cập nhật từ bảng hỏi Đánh giá Nhanh lần thứ nhất năm 2020 về tác động kt - xh của Covid-19 đối với NKT - khảo sát PAPI 2021. Các thông tin thu thập tập trung vào những tác động/ảnh hưởng

của COVID-19 tới sức khỏe của NKT và tới kt - xh đối với NKT và gia đình họ, cũng như ý kiến của NKT về các biện pháp ứng phó của Chính phủ đã áp dụng cho tới thời điểm khảo sát, những đề xuất hỗ trợ đối với Chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức của NKT nhằm hỗ trợ NKT chung sống an toàn với những thách thức trong đại dịch.

1. Quy trình thực hiện khảo sát:

- Thiết kế mẫu khảo sát trên google form gồm hai phiên bản: một phiên bản có đính kèm 2 clip NNKH Hà Nội và TP.HCM (để người Điếc trên cả nước đều hiểu được) và có kèm giải thích về cách điền. Một phiên bản không có ngôn ngữ ký hiệu cho những NKT khác.
- Bảng hỏi được thiết kế điều chỉnh, bổ sung dựa trên quá trình tham vấn với tổ chức của NKT và được thử nghiệm với 30 NKT.
- Ngày 08/09/2021, các nghiên cứu viên đã tổ chức buổi họp kỹ thuật với lãnh đạo các hội NKT và cộng tác viên để hướng dẫn chi tiết cách thức điền bảng hỏi theo hình thức trực tuyến và phỏng vấn qua điện thoại. Mục đích để mọi người đều hiểu rõ nội dung khảo sát, sau đó hướng dẫn lại cho NKT tham gia khảo sát.
- Có 256 người Điếc trả lời qua phiên bản Google Form có NNKH.
- o Phỏng vấn qua điện thoại với 220 người gồm: người nhà của NKT tật trí tuệ và thần kinh, tâm thần, NKT lớn tuổi không vào mạng internet làm google form, NKT thuộc các dạng tật khác nhau (bại não, khuyết tật tay, lùn bẩm sinh – những người muốn trả lời qua điện thoại) đến từ Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hoàng Mai – Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Quảng Bình, Bình Định.
- o Phỏng vấn trực tiếp 50 người (đến tận nơi phỏng vấn cho những người không vào được mạng internet, không muốn trả lời điện thoại).
- Lãnh đạo của 5 hội NKT hỗ trợ: Mời khoảng 10-20 NKT vận động lên văn phòng hội, sau đó cùng đi qua bảng hỏi để mọi người ngồi trả lời.
- o Tiếp cận giáo viên các trường đại học, trường nghề có NKT theo học để giới thiệu, động viên mọi người tham gia nhằm đảm bảo tiếp cận được với nhóm có trình độ đại học và trung cấp (cho đa dạng về trình độ).
- o Liên hệ với một số doanh nghiệp có lao động là NKT ở Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh để huy động NKT tại các điểm nóng của dịch bệnh.
- o Hàng tuần, giám sát số lượng người tham gia các tỉnh, các dạng tật để điều phối tăng cường đảm bảo đủ 63 tỉnh và các dạng tật được tiếp cận đầy đủ.

2. Hạn chế của Nghiên cứu:

- Phương pháp khảo sát qua google form đã gạt bỏ những NKT không thể tiếp cận internet. Một bộ phận NKT vì lý do không có máy tính, không làm chủ công nghệ, không biết đọc, biết viết, không sử dụng được ngôn ngữ ký hiệu đã từ chối tham gia, hoặc dễ dàng bỏ cuộc, bỏ sót thông tin.
- Một số NKT nhờ đến sự can thiệp của bên thứ ba để điền phiếu hỏi, nên có thể chịu ảnh hưởng từ những người này khi cung cấp thông tin. NKT tham gia cuộc khảo sát chủ yếu sống tập trung ở Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung; là NKT vận động, nhìn hoặc nghe, nói, chỉ một bộ phận thiểu số là NKT trí tuệ, thần kinh, tâm thần và khác.

- Do vậy, thông tin thu được chưa thực sự đảm bảo tính đại diện cao cho 6 vùng kinh tế và cho đủ 6 nhóm khuyết tật. Phiếu phỏng vấn khá dài nên với NKT trí tuệ, gia đình hoặc NKT lớn tuổi, thời gian phỏng vấn thường mất khoảng 30 phút, phải chia làm 2 lần vì người trả lời cảm thấy mệt.
- Hầu hết NKT chỉ muốn trả lời các câu hỏi có ít hơn 6 lựa chọn, nếu dài họ không đủ kiên nhẫn để đọc hoặc nghe thông tin để lựa chọn
- Khảo sát này thực hiện với NKT từ đủ 18 tuổi trở lên. Cần có những nghiên cứu khác với phương pháp tiếp cận phù hợp tìm hiểu sâu hơn tác động của COVID-19 đối với trẻ em khuyết tật.

3. Tổng quan về các chính sách liên quan đến Covid-19 đối với nhóm dễ bị tổn thương (bao gồm NKT) từ tháng 4/2021 đến tháng 12/2021

Trong điều kiện ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, mức hỗ trợ có thể chưa cao, nhưng những chính sách này được xem là đúng đắn và cần thiết, thể hiện nỗ lực to lớn của các cấp chính quyền trên tinh thần “*Không để ai bị bỏ lại phía sau*”, nhằm giúp người dân, doanh nghiệp, đặc biệt là NKT khắc phục hậu quả nặng nề do đại dịch Covid-19 gây ra.

1) Đối với các chính sách hỗ trợ đột xuất đối với NKT (gồm cả NLĐ là NKT).

Điểm đầu tiên dễ nhận thấy là các chính sách hỗ trợ đột xuất (bằng tiền) hay duy trì, thúc đẩy việc làm đều tập trung hỗ trợ chủ yếu cho NLĐ đang làm việc/có tham gia bảo hiểm thất nghiệp hoặc NLĐ chấm dứt hợp đồng lao động, ngừng việc, ... do dịch Covid-19. Theo đó, nếu NKT thuộc một trong các đối tượng nêu trên thì sẽ được hưởng các chính sách tương ứng theo quy định. Trong tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến ngày càng phức tạp, đa số NKT sống dựa vào gia đình hoặc làm việc trong khối phi chính thức, thì việc xây dựng và ban hành các chính sách hỗ trợ đột xuất cho NKT thuộc đối tượng bảo trợ xã hội vẫn thực sự cần thiết và nên được tiếp tục xem xét duy trì (như đợt từ tháng 4 đến tháng 6/2021), mặc dù họ đã được nhận trợ cấp đột xuất một lần năm 2020. Tiếp đó, ngay trong các chính sách hỗ trợ đột xuất đối với nhóm yếu thế, cũng cần cân nhắc đến chế độ hỗ trợ đối với NKT nhẹ. Ví dụ, chính sách hỗ trợ tại Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg có quy định hỗ trợ đột xuất thêm cho NKT (cách ly y tế hoặc điều trị nhiễm Covid-19) nhưng vẫn chỉ dừng lại ở việc áp dụng dành cho NKT nặng, đặc biệt nặng. Các khoản hỗ trợ đột xuất của một số tỉnh, thành phố cũng chỉ áp dụng cho các đối tượng thuộc diện hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng (bao gồm NKT nặng, đặc biệt nặng). Còn NKT chưa xác định mức độ khuyết tật hoặc khuyết tật nhẹ thì không thuộc đối tượng thụ hưởng. Điều này phần nào ảnh hưởng đến quyền lợi của NKT nhẹ trong cả nước.

2) Còn thiếu chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là NKT:

Nghiên cứu các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong đại dịch Covid-19 hiện nay cho thấy, điều kiện để các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế, về tiền điện, ... chưa chú trọng hỗ trợ doanh nghiệp theo những tiêu chí đặc thù, như: sử dụng nhiều lao động là NKT. Thực tế, những doanh nghiệp sử dụng NLĐ khuyết tật đang thực hiện “trách nhiệm xã hội” rất lớn. Chính vì vậy, việc thực hiện những hỗ trợ “cào bằng” là chưa tương xứng với “trách nhiệm” của doanh nghiệp; đồng thời, cũng không khuyến khích doanh nghiệp sử dụng lao động là NKT trong và sau đại dịch.

3) Các chính sách CSSK đối với nhóm dễ bị tổn thương nhìn chung đã khá hoàn thiện.

Các chính sách chăm sóc sức khỏe đối với nhóm này khá hoàn thiện tuy nhiên khi triển khai trên thực tế vẫn còn một số vướng mắc. Đặc biệt, NKT nghe, nói còn gặp một số khó khăn trong nắm bắt thông tin liên quan đến tiêm vắc xin phòng Covid-19, như: tại địa điểm tiêm không có phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu, không có phương thức giao tiếp phù hợp với NKT nghe, nói, ..., điều đó đã gây ra khó khăn với nhóm dân số này³.

III. CÁC PHÁT HIỆN CỦA ĐÁNH GIÁ NHANH

1. Thông tin cơ bản của người khuyết tật tham gia đánh giá nhanh

Bảng/biểu số liệu dưới đây đề cập đặc điểm nhân khẩu học – xã hội, tình trạng khuyết tật và nơi ở theo vị trí địa lý của NKT tham gia cuộc khảo sát.

Bảng 1. Thông tin chung về người khuyết tật (N = 1792)

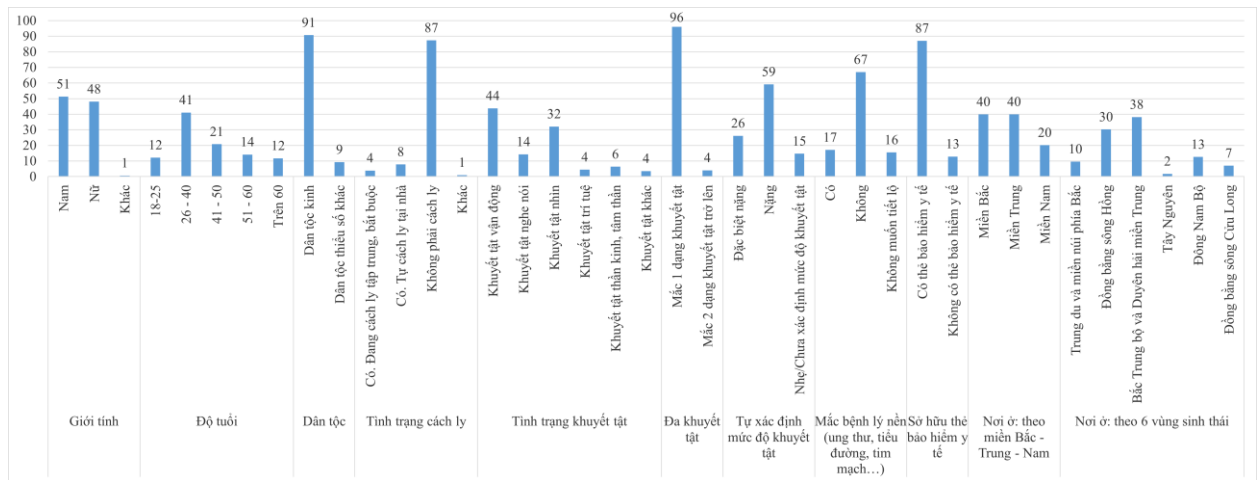
	Số lượng	%
Giới tính		
Nam	919	51
Nữ	861	48
Khác	12	1
Độ tuổi		
18 – 25	219	12
26 – 40	736	41
41 – 50	372	21
51 – 60	254	14
Trên 60	211	12
Dân tộc		
Dân tộc kinh	1625	91
Dân tộc thiểu số khác (Tày, Nùng, Mường, Thái, H.Mông, Mạ, Hoa và khác)	167	9
Tình trạng cách ly		
Có. Đang cách ly tập trung, bắt buộc	69	4
Có. Tự cách ly tại nhà	140	8
Không phải cách ly	1565	87
Khác	18	1
Tình trạng khuyết tật		
Khuyết tật vận động	784	44
Khuyết tật nghe nói	256	14

³ Phỏng vấn ông Phan Ngọc Việt (NKT nghe, nói) - Trưởng Ban vận động vì quyền của người Điếc ngày 22/12/2021.

Khuyết tật nhìn	576	32
Khuyết tật trí tuệ	80	4
Khuyết tật thần kinh, tâm thần	114	6
Khuyết tật khác	63	4
Số dạng khuyết tật		
Mắc 1 dạng khuyết tật	1718	96
Mắc 2 dạng khuyết tật trở lên	68	4
Tự xác định mức độ khuyết tật		
Đặc biệt nặng	469	26
Nặng	1060	59
Nhẹ/Chưa xác định mức độ khuyết tật	263	15
Mắc bệnh lý nền (ung thư, tiểu đường, tim mạch...)		
Có	306	17
Không	1209	67
Không muốn tiết lộ	277	16
Sở hữu thẻ bảo hiểm y tế		
Có	1560	87
Không	232	13
Nơi ở: theo miền Bắc - Trung - Nam		
Miền Bắc	715	40
Miền Trung	716	40
Miền Nam	361	20
Nơi ở: theo 6 vùng KT-XH		
Trung du và miền núi phía Bắc	173	10
Đồng bằng sông Hồng	542	30
Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung	684	38
Tây Nguyên	32	2
Đông Nam Bộ	226	13
Đồng bằng sông Cửu Long	135	8
Khác	18	7

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 1. Thông tin chung về người khuyết tật



(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Về đặc điểm nhân khẩu học – xã hội, đa số NKT tham gia khảo sát thuộc độ tuổi 26 – 40 (41%). Nhóm trên 60 tuổi chỉ chiếm 12%. Số nữ giới và nam giới khuyết tật khá tương đương nhau (51% và 48%). Tỷ lệ người Kinh chiếm đa số (91%). Số còn lại thuộc về các nhóm dân tộc thiểu số, như: Tày, Nùng, Mường, Thái ... Một bộ phận NKT đã từng trải qua giai đoạn cách ly y tế theo hình thức tập trung, bắt buộc (4%) hoặc tại nhà (8%).

Về khuyết tật, 44% thuộc nhóm khuyết tật vận động, 32% khuyết tật nhìn, còn lại là khuyết tật nghe, nói (14%), khuyết tật trí tuệ (5%), tâm thần (6%) và khác (1%). Có 4% mắc từ hai đến 4 dạng tật, 26% thuộc diện đặc biệt nặng, 17% mắc bệnh lý nền, song có tới 87% NKT có thể bảo hiểm y tế.

Về địa bàn cư trú, 40% sống tại miền Bắc, 40% sống tại miền Trung và 20% sống tại miền Nam. Tuy nhiên, cơ cấu phân bố theo 6 vùng sinh thái có sự chênh lệch đáng kể. Đa số NKT sống tại Đồng bằng sông Hồng (30%), Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung (38%). Chiếm tỷ lệ thấp, nhất là tại Tây Nguyên (2%).

2. Sự tiếp cận thông tin đa dạng của người khuyết tật về Covid - 19

Các biện pháp can thiệp của Chính phủ đã thúc đẩy phổ cập rộng rãi thông tin về đại dịch Covid – 19. NKT nhờ đó dễ dàng tiếp cận thông tin một cách chính thống thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng.

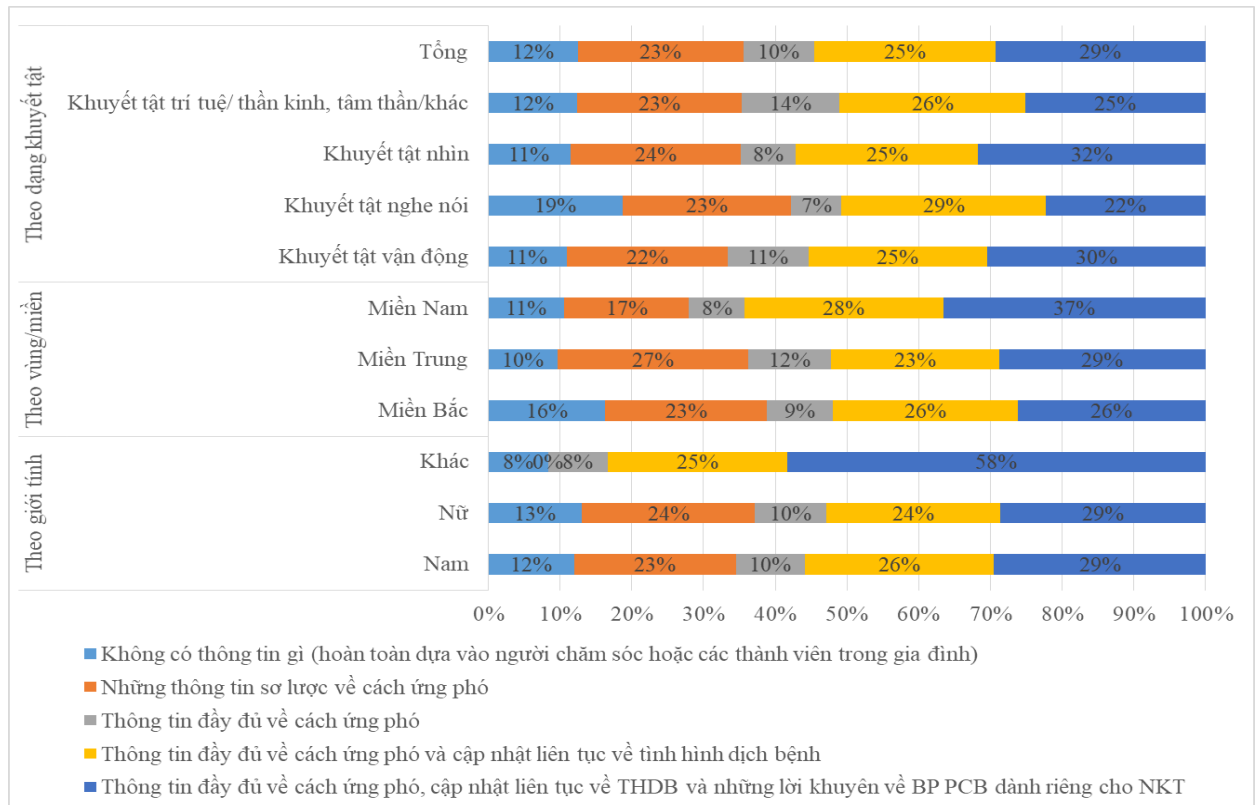
Trong bối cảnh bùng phát đại dịch Covid - 19, Chính phủ Việt Nam chủ trương đẩy mạnh cung cấp thông tin đa dạng và cập nhật về tình hình dịch bệnh đến với người dân thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng. Nhờ vậy, NKT dễ dàng tiếp cận thông tin, với tỷ lệ lên tới 88%, cao hơn so với mức 67% trong lần khảo sát Đánh giá Nhanh Lần thứ Nhất năm 2020. Trong đó, 29 % NKT có được những thông tin đầy đủ về cách ứng phó, cập nhật liên tục về tình hình dịch bệnh và những lời khuyên về biện pháp phòng, chống bệnh dành riêng cho NKT, 25% có được thông tin đầy đủ về cách ứng phó và cập nhật liên tục về tình hình dịch bệnh. Khả năng tiếp cận này có sự khác biệt không đáng kể theo giới tính, vùng/miền hay dạng khuyết tật.

Bảng 2. Tự đánh giá mức độ kiến thức của NKT về việc tiếp nhận những thông tin chính thức về COVID-19 (đơn vị: %)

	Không có thông tin gì (hoàn toàn dựa vào người chăm sóc hoặc các thành viên trong gia đình)	Những thông tin sơ lược về cách ứng phó	Thông tin đầy đủ về cách ứng phó	Thông tin đầy đủ về cách ứng phó và cập nhật liên tục về tình hình dịch bệnh	Thông tin đầy đủ về cách ứng phó, cập nhật liên tục về tình hình dịch bệnh và những lời khuyên về biện pháp phòng, chống bệnh dành riêng cho NKT
Theo giới tính					
Nam	12	23	10	26	29
Nữ	13	24	10	24	29
Khác	8	0	8	25	58
Theo vùng/miền					
Miền Bắc	16	23	9	26	26
Miền Trung	10	26	12	23	29
Miền Nam	11	17	8	28	36
Theo dạng khuyết tật					
Vận động	11	22	12	25	30
Nghe nói	19	23	7	29	22
Nhìn	11	24	8	25	32
Trí tuệ/ thần kinh, tâm thần/khác	12	23	14	26	25
Tổng	12	23	10	25	29

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 2. Tự đánh giá mức độ kiến thức của NKT về việc tiếp nhận những thông tin chính thức về COVID-19



(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Kênh cung cấp thông tin hiệu quả nhất đến với NKT về đại dịch Covid – 19, về các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu lây nhiễm, về các quy định cách ly, hạn chế tiếp xúc ở nơi công cộng và những dịch vụ hỗ trợ cần thiết là Ti vi (64%) Các mạng xã hội (Facebook, Zalo, Viber...) (49%), báo mạng (42%), tin nhắn trên di động (34%) hay trang web của Chính phủ (24%) (Phụ lục 1, bảng 1).

3. Ảnh hưởng của Covid - 19: việc làm, thu nhập suy giảm và các biện pháp kinh tế thắt chặt chi tiêu của NKT

Việc làm bị cắt giảm, thu nhập cũng giảm theo. Nhiều hộ gia đình NKT buộc phải sử dụng các biện pháp “thắt lưng buộc bụng” để thích nghi với cuộc sống trong đại dịch Covid – 19, song khả năng chống chọi bằng các khoản tiền tiết kiệm là không thể kéo dài.

3.1. Việc làm và thu nhập suy giảm

Đại dịch Covid khiến nhiều NKT mất việc làm hoặc giảm thời gian làm việc. Hệ lụy kéo theo là thu nhập trung bình của nhiều hộ gia đình giảm xuống.

Kết quả khảo sát cho thấy 44% NKT tham gia cuộc khảo sát có việc làm (phụ lục 1, bảng 2) với số ngày làm việc trung bình lên tới 22,7 ngày/tháng. Tỷ lệ NKT làm việc đủ 4 tuần lên tới 77% (phụ lục 1, bảng 3). Nhiều NKT có Công việc chính thức/ có hợp đồng lao động (44%), một bộ phận khác có Công việc không chính thức/ không có hợp đồng lao động (14%) và một bộ phận khác nữa là lao động tự do (34%). Số NKT làm chủ doanh nghiệp được cấp phép hay buôn bán nhỏ, kinh doanh không phép chỉ chiếm tỷ lệ tương ứng là 3% và 5% (phụ lục 1, bảng 4).

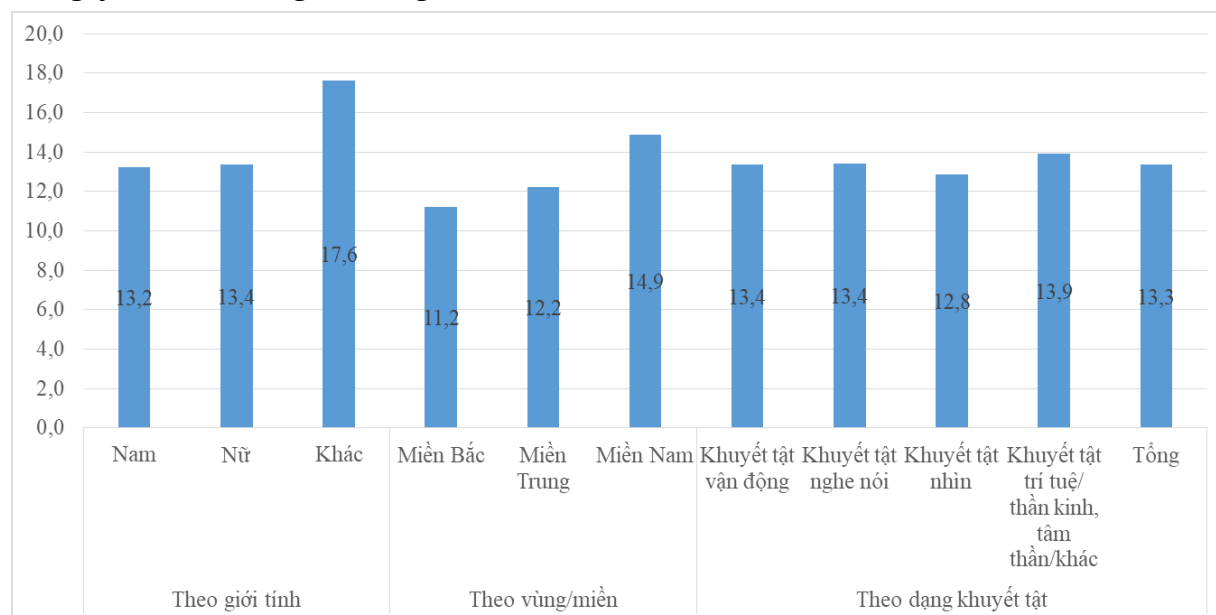
Bảng 3. Thời gian làm việc bị giảm so với thời điểm trước Covid-19 của NKT (Đơn vị: %)

	Không ảnh hưởng	1 tuần trở xuống	2 tuần	3 tuần	4 tuần	Tỉ lệ trung bình
Theo giới tính						
Nam	24	9	24	17	27	13,2
Nữ	29	4	18	19	30	13,4
Khác	13	1	25	25	38	17,6
Theo vùng, miền						
Miền Bắc	30	10	21	21	19	11,2
Miền Trung	23	5	23	19	30	12,2
Miền Nam	24	5	19	14	39	14,9
Theo dạng khuyết tật						
Vận động	27	4	23	17	29	13,4
Nghe nói	22	8	25	14	31	13,4
Nhìn	25	10	19	23	23	12,8
Trí tuệ/ thần kinh, tâm thần/khác	28	7	15	15	35	13,9
Tổng	26	7	21	18	28	13,3

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 3. Số ngày làm việc bị giảm so với thời điểm trước Covid-19 của NKT

Số ngày làm việc trung bình bị giảm so với thời điểm trước Covid 19



(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Tuy nhiên, cũng như các nhóm xã hội khác, đại dịch Covid- 19 khiến nhiều NKT rơi vào cảnh thất nghiệp hoặc thiếu việc làm. Kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần thứ nhất năm 2020 chỉ ra tỷ lệ này lên tới 30%. Trong cuộc khảo sát đánh giá nhanh lần hai thì tỷ lệ thất nghiệp hoàn toàn, nghĩa là nghỉ việc đủ 4 tuần/tháng của NKT lên tới 28%, và nghỉ việc với thời lượng 3 tuần/tháng lên tới 18%. Tỷ lệ NKT bị giảm thời gian làm việc 1 tuần/tháng là 7% và 2 tuần/tháng là 21%. Điều này có nghĩa, đại dịch Covid – 19 đã làm suy giảm thời gian làm việc của 64% NKT. Trong tương quan theo giới thì NKT nam giới, theo vùng/miền thì NKT ở miền Trung và theo dạng tật thì NKT nghe, nói chịu nhiều ảnh hưởng hơn so với các nhóm NKT khác.

Bảng 4A. Mức thu nhập trung bình của gia đình NKT theo giới (đơn vị: %)

	Dưới 2.000.000	2.001.000 - 4.000.000 đồng	4.001.000 - 6.000.000 đồng	6.001.000 - 8.000.000 đồng	8.001.000 - 10.000.000 đồng	Từ 10.001.000 đồng trở lên	Khác
Thu nhập trung bình trong vòng 12 tháng (trước tháng 1 năm 2020)							
Nam	39	24	15	6	4	4	8
Nữ	44	22	14	5	4	4	7
Khác	32	16	25	1	8	17	1
Thu nhập trong tháng 8 năm 2021							
Nam	57	20	9	2	2	1	9
Nữ	57	15	8	3	2	2	13
Khác	42	32	8	8	8	1	1

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Bảng 4B. Mức thu nhập trung bình của gia đình NKT theo vùng, miền (đơn vị: %)

	Dưới 2.000.000	2.001.000 - 4.000.000 đồng	4.001.000 - 6.000.000 đồng	6.001.000 - 8.000.000 đồng	8.001.000 - 10.000.000 đồng	Từ 10.001.000 đồng trở lên	Khác
hu nhập trung bình trong vòng 12 tháng (trước tháng 1 năm 2020)							
Miền Bắc	48	23	12	4	4	4	5
Miền Trung	43	24	12	6	2	4	9
Miền Nam	26	24	25	8	7	4	6
Thu nhập trong tháng 8 năm 2021							
Miền Bắc	61	18	7	2	2	2	8
Miền Trung	61	16	6	2	2	1	12
Miền Nam	43	19	14	5	2	1	16

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

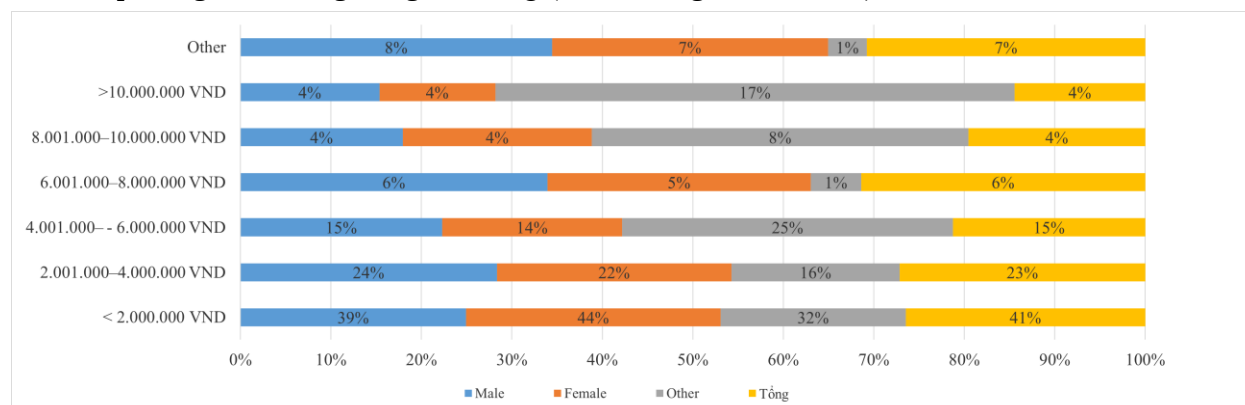
Bảng 4C. Mức thu nhập trung bình của gia đình NKT theo dạng khuyết tật (đơn vị: %)

	Dưới 2.000.000	2.001.000 - 4.000.000 đồng	4.001.000 - 6.000.000 đồng	6.001.000 - 8.000.000 đồng	8.001.000 - 10.000.000 đồng	Từ 10.001.000 đồng trở lên	Khác
Thu nhập trung bình trong vòng 12 tháng (trước tháng 1 năm 2020)							
Vận động	40	26	14	7	4	4	5
Nghe nói	41	27	14	5	1	2	10
Nhìn	43	18	15	4	5	5	10
Trí tuệ/ thần kinh, tâm thần/khác	41	21	16	9	3	3	7
Tổng	41	23	15	6	4	4	7
Thu nhập trong tháng 8 năm 2021							
Vận động	58	18	9	3	2	1	9
Nghe nói	54	20	9	2	2	1	12
Nhìn	58	16	7	2	3	2	12
Trí tuệ/ thần kinh, tâm thần/khác	55	16	10	4	3	2	10
Tổng	57	18	8	3	2	2	10

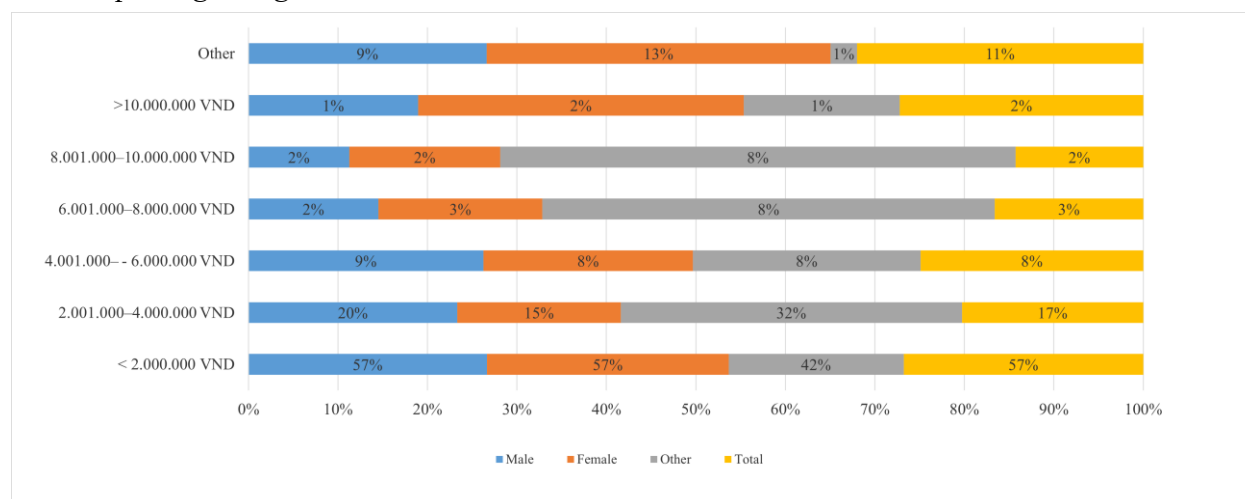
(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 4A. Mức thu nhập trung bình của gia đình NKT theo giới

Thu nhập trung bình trong vòng 12 tháng (trước tháng 1 năm 2020)



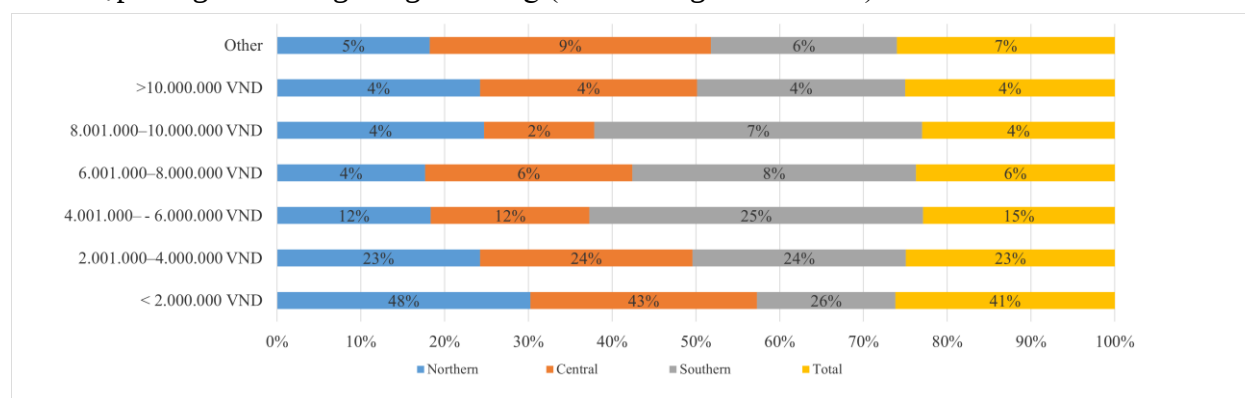
Thu nhập trong tháng 8 năm 2021



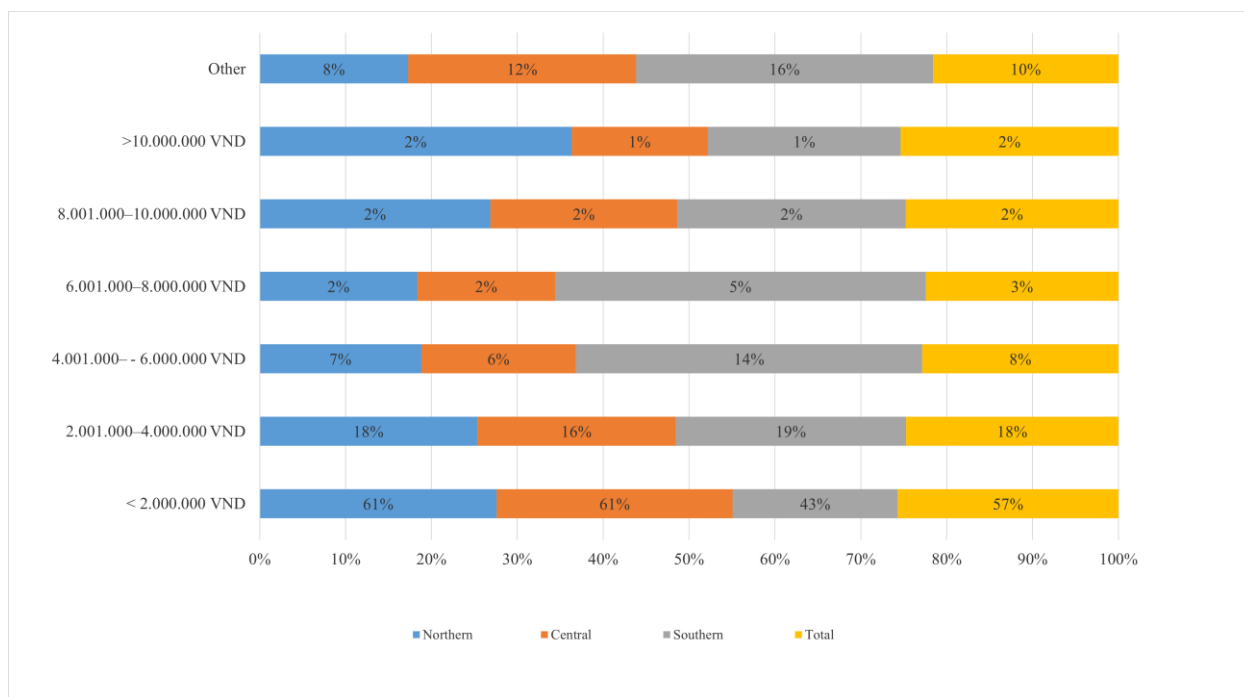
(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 4B. Mức thu nhập trung bình của gia đình NKT theo vùng, miền

Thu nhập trung bình trong vòng 12 tháng (trước tháng 1 năm 2020)



Thu nhập trong tháng 8 năm 2021



(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 4C. Mức thu nhập trung bình của gia đình NKT theo dạng khuyết tật

Thu nhập trung bình trong vòng 12 tháng (trước tháng 1 năm 2020)

Thu nhập trong tháng 8 năm 2021

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Sự suy giảm thời gian làm việc hoặc thất nghiệp toàn thời gian kéo theo thu nhập trung bình của nhiều hộ gia đình NKT giảm theo. Nếu so với trước tháng 1 năm 2020 thì tỷ lệ hộ gia đình NKT có mức thu nhập trung bình từ 2 triệu đồng trở lên trong tháng 8 năm 2021 giảm xuống. Song song với đó, tỷ lệ hộ gia đình có mức thu nhập trung bình dưới 2 triệu/tháng tăng lên (từ 41% lên 57%). Hệ lụy này khiến cuộc sống của nhiều NKT trở nên khó khăn hơn trước.

3.2. Những biện pháp thắt chặt chi tiêu

Giảm chi phí sinh hoạt, rút các khoản tiết kiệm, tăng cường các khoản vay ... là những biện pháp cơ bản mà nhiều hộ gia đình NKT buộc phải sử dụng để tồn tại trong cơn đại dịch.

Đại dịch Covid kéo dài, chưa có dấu hiệu suy giảm, các biện pháp cách ly y tế, và chủ yếu là sự mất việc và giảm thu nhập đã khiến nhiều hộ gia đình NKT buộc phải sử dụng các biện pháp cắt giảm đáng kể các khoản chi tiêu thường nhật nhằm gắng gượng chống chọi qua cơn đại dịch, dù đó là những khoản chi tiêu thiết yếu nhất phục vụ sinh hoạt.

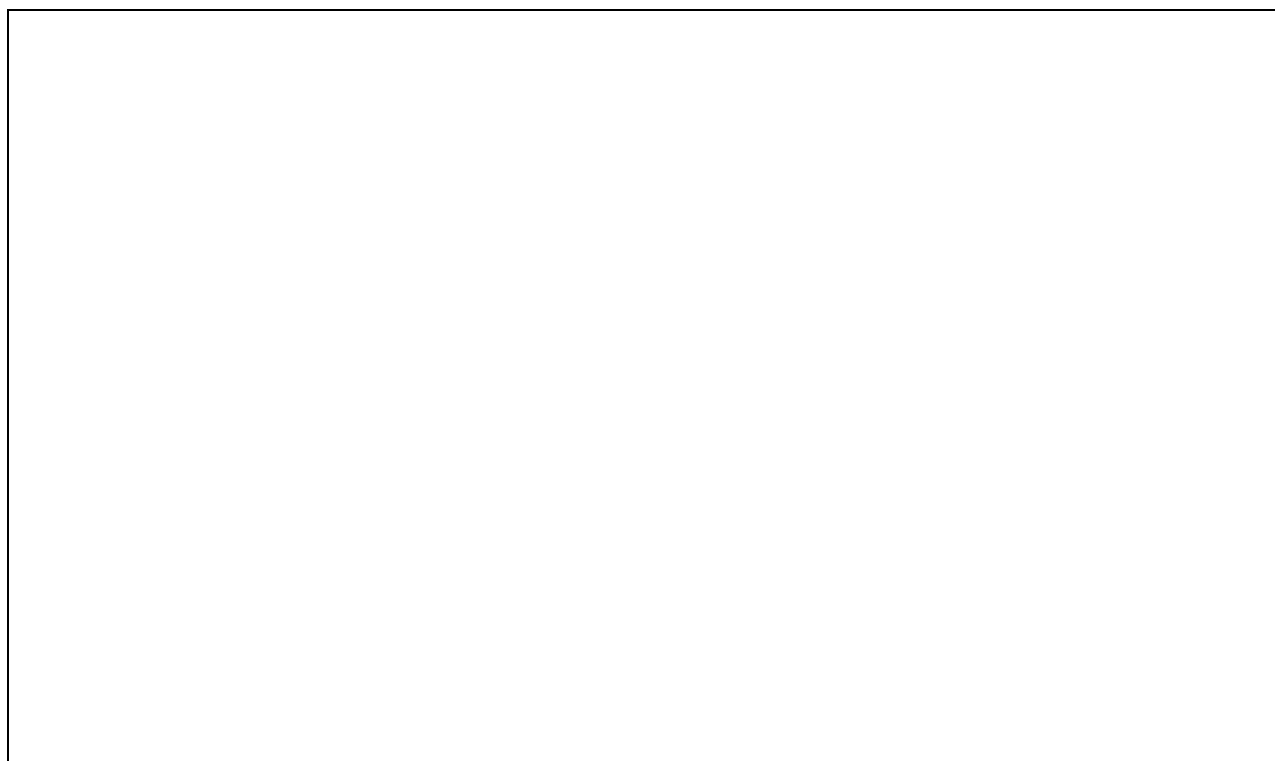
Bảng 5. Cách thức đảm bảo chi phí sinh hoạt/tài chính trong bối cảnh Covid-19 của bản thân NKT và gia đình (tỷ lệ % thừa nhận)

	Không cần làm gì cả	Giảm hơn 1/3 chi phí sinh hoạt	Giảm từ 1/10 đến 1/3 chi phí sinh hoạt	Giảm ít hơn 1/10 chi phí sinh hoạt
Theo giới tính				
Nam	10	48	13	2
Nữ	9	48	13	2
Khác	8	58	17	1
Theo vùng, miền				
Miền Bắc	12	45	14	3
Miền Trung	7	50	14	2
Miền Nam	8	49	11	1
Theo dạng khuyết tật				
Vận động	10	52	13	2
Nghe nói	9	46	17	2
Nhìn	9	44	12	3
Trí tuệ/ thần kinh, tâm thần/khác	11	49	14	3
Tổng	9	48	13	2

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Bảng 6. (tiếp) Cách thức đảm bảo chi phí sinh hoạt/tài chính trong bối cảnh Covid-19 của bản thân NKT và gia đình (tỷ lệ % thừa nhận)

	Giảm chi phí ăn uống	Giảm chi phí giáo dục	Giảm chi phí điện và nước	Giảm chi phí y tế	Giảm phí thuê nhà	Sử dụng các khoản tiết kiệm	Vay thêm các khoản mới	Chậm trả chi phí sinh hoạt	Lên lịch lại các khoản vay hiện tại	Bán tài sản có giá trị	Khác
Theo giới tính											
Nam	55	8	40	14	3	20	16	8	1	1	4
Nữ	58	11	39	16	2	23	21	8	1	2	3



(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Số liệu khảo sát cho thấy trên 90% NKT cho biết hộ gia đình của NKT buộc phải thực hiện các biện pháp “thắt lưng buộc bụng” khắc nghiệt. Việc này diễn ra một cách khá tương đồng giữa các nhóm khuyết tật theo giới tính và theo dạng tật, song, hộ gia đình NKT ở miền Trung có tỷ lệ áp dụng các biện pháp này cao hơn so với hộ gia đình NKT ở các vùng/miền khác.

Những khoản chi phí tiết giảm mạnh mẽ nhất được áp dụng bao gồm: giảm chi phí ăn, uống (56%), giảm hơn 1/3 chi phí sinh hoạt (so với trước Covid-19) (48%), giảm chi phí điện và nước (39%). Ngoài ra, nhiều hộ gia đình buộc phải tính đến phương án sử dụng các khoản tiết kiệm (22%), hoặc vay thêm các khoản mới (từ bạn bè, người thân. ..) (18%). Thậm chí, một số trường hợp buộc phải tính đến phương án bán tài sản có giá trị (2%) khi mà các biện pháp khác không còn có thể sử dụng.

Bảng 7. Số tháng duy trì mức sống hiện tại nhờ sử dụng các khoản tiết kiệm của gia đình NKT (Đơn vị: %)

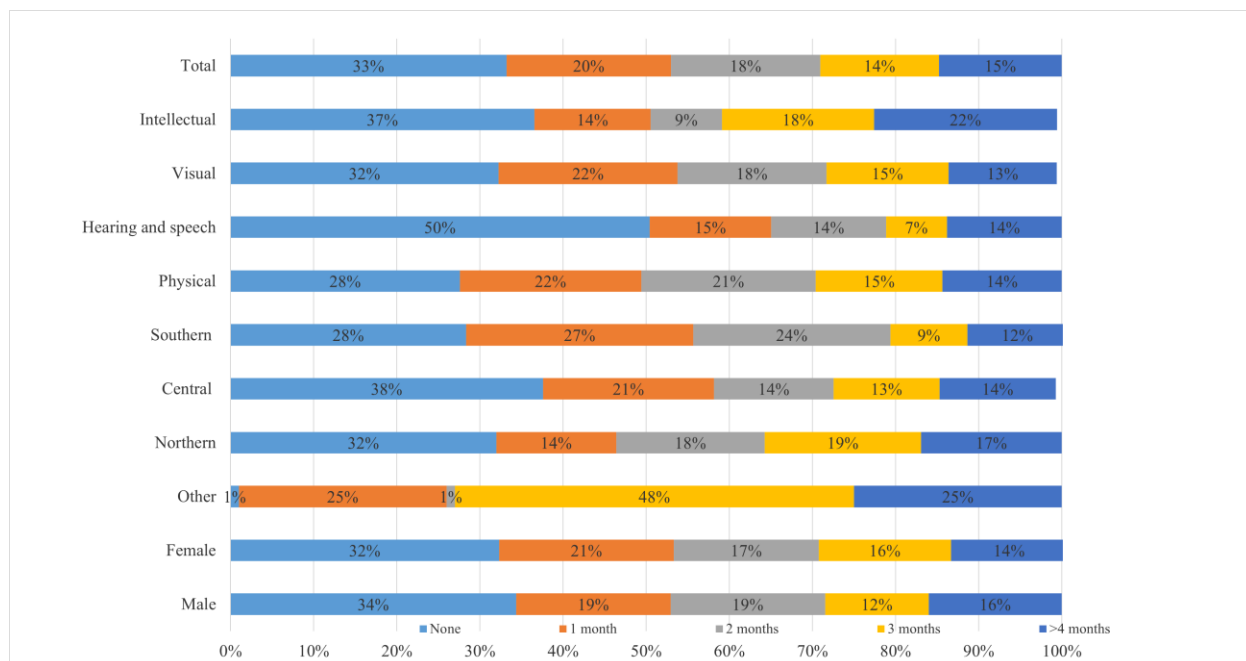
	Không tháng nào	1 tháng	2 tháng	3 tháng	4 tháng trở lên	Số tháng trung bình
Trường hợp có thể phải sử dụng						
Theo giới tính						
Nam	34	19	19	12	16	1,6
Nữ	32	21	17	16	14	1,6
Khác	1	25	1	48	25	2,8
Theo vùng/miền						
Miền Bắc	32	14	18	19	17	1,7

Miền Trung	38	21	14	13	14	1,5
Miền Nam	28	27	24	9	12	1,5
Theo dạng khuyết tật						
Vận động	28	22	21	15	14	1,7
Nghe nói	50	15	14	7	14	1,2
Nhìn	32	22	18	15	13	1,6
Trí tuệ/ thần kinh, tâm thần/khác	37	14	9	18	22	1,8
Tổng	33	20	18	14	15	1,6
Trường hợp đã sử dụng						
Theo giới tính						
Nam	42	16	13	11	18	2,0
Nữ	43	17	15	13	12	1,8
Khác	1	66	31	1	1	1,3
Theo vùng/miền						
Miền Bắc	49	12	12	12	15	1,9
Miền Trung	42	16	12	15	15	2,0
Miền Nam	33	26	21	9	11	1,7
Theo dạng khuyết tật						
Vận động	34	23	15	15	13	2,0
Nghe nói	52	12	9	7	20	1,8
Nhìn	51	12	17	12	8	1,4
Trí tuệ/ thần kinh, tâm thần/khác	38	14	6	9	33	2,9
Tổng	43	17	14	12	14	1,9

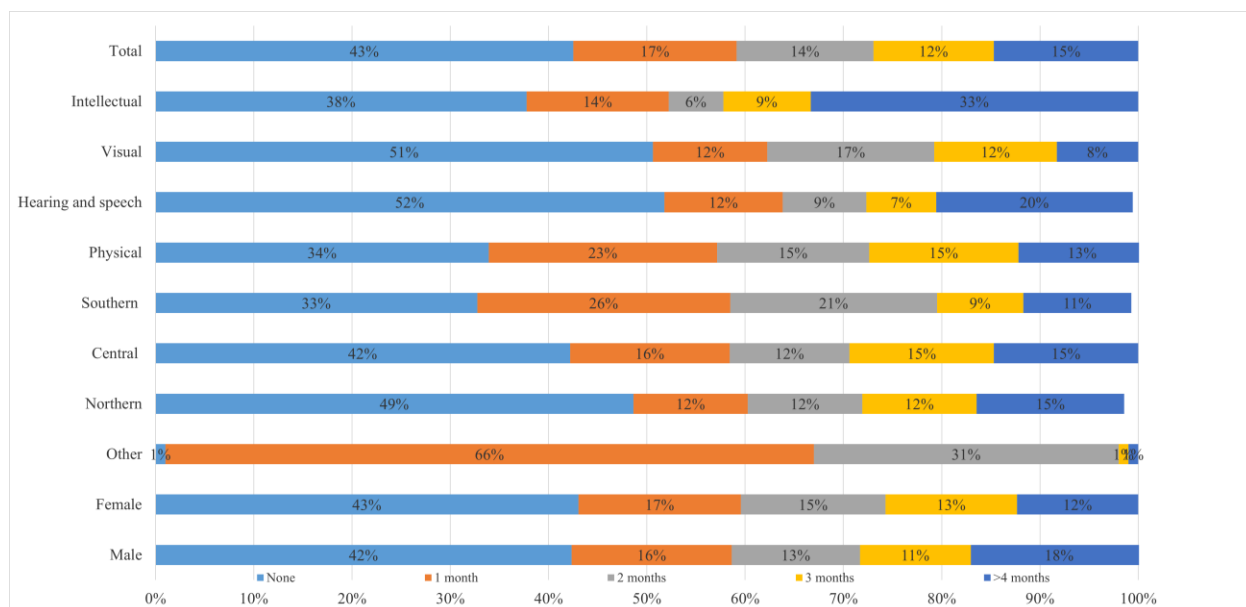
(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 5. Số tháng duy trì mức sống hiện tại nhờ sử dụng các khoản tiết kiệm của gia đình NKT

Trường hợp có thể phải dùng đến tiết kiệm của gia đình



Trường hợp đã phải dùng đến khoản tiết kiệm của gia đình



(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 6. Số tháng trung bình duy trì mức sống hiện tại nhờ sử dụng các khoản tiết kiệm của gia đình NKT

Trường hợp có thể phải dùng

Trường hợp đã sử dụng

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Tuy nhiên, các biện pháp kinh tế khắc nghiệt nêu trên cũng chỉ có thể được coi là cứu cánh nhất thời. Khoảng thời gian chống chọi của các hộ gia đình NKT bằng việc sử dụng các khoản tiền tiết kiệm là không dài. Trung bình đạt 1,6 tháng với trường hợp có thể phải sử dụng các khoản tiết kiệm và 1,9 tháng với trường hợp đã sử dụng.

4. Ảnh hưởng của Covid-19: những khó khăn trong bảo vệ sức khỏe và cảm nhận trái chiều của người khuyết tật

Đại dịch Covid – 19 khiến nhiều NKT gặp “khó khăn kép” trong bảo vệ SK, đó là những khó khăn trực tiếp liên quan đến điều kiện chăm sóc và khó khăn gián tiếp liên quan đến tiếp cận các dịch vụ y tế - xã hội. Trong bối cảnh này, một bộ phận NKT cảm nhận được sự quan tâm chăm sóc và bảo vệ từ cộng đồng, ngược lại, một bộ phận khác cảm nhận sự lo lắng, bất lực, thậm chí là tuyệt vọng.

4.1. Ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 khiến người khuyết tật gặp nhiều khó khăn trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe

Đại dịch Covid- 19 gây ra những tổn hại nhất định đến sức khỏe thể chất và tinh thần của con người. Các phương tiện truyền thông đại chúng thường xuyên cung cấp thông tin, hình ảnh về việc điều trị cho người bệnh trở nặng, cần được điều trị chuyên sâu, hình ảnh, thông tin về số người chết do Covid ... giúp cho XH và bản thân NKT nhận thức đầy đủ hơn về tính chất nghiêm trọng của đại dịch và sự cần thiết của việc bảo vệ SK. Tuy nhiên, nhiều NKT đã gặp những khó khăn nhất định.

Bảng 8. Những khó khăn trực tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT trong đợt dịch COVID-19 theo giới tính (tỷ lệ % thừa nhận)

	Khó tiếp cận thông tin chính thức, chính xác về bảo vệ SK, phòng chống COVID-19, bao gồm thông tin về vắc-xin	Không được tham gia vào việc phòng chống dịch COVID-19 của cộng đồng địa phương	Khó tiếp cận dịch vụ hỗ trợ tâm lý XH	Trong khu cách ly không có đủ điều kiện tiếp cận cho NKT, không có những hỗ trợ thích hợp với giới tính và khuyết tật	Khó tiếp cận các nhu yếu phẩm như thực phẩm và sản phẩm sinh do khan hiếm hàng hóa	Phân biệt đối xử gia tăng do phản ứng với Covid-19	Không có khó khăn gì	Khác
Nam	33	15	23	4	26	1	31	2
Nữ	37	15	24	5	30	1	27	3
Khác	8	17	42	0	33	0	33	0
Tổng	35	15	24	4	28	1	29	3

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Bảng 9. Những khó khăn trực tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT trong đợt dịch COVID-19 theo vùng, miền (tỷ lệ % thừa nhận)

	Khó tiếp cận thông tin chính thức, chính xác về bảo vệ SK, phòng chống COVID-19, bao gồm thông tin về vắc-xin	Không được tham gia vào việc phòng chống dịch COVID-19 của cộng đồng địa phương	Khó tiếp cận dịch vụ hỗ trợ tâm lý XH	Trong khu cách ly không có đủ điều kiện tiếp cận cho NKT, không có những hỗ trợ thích hợp với giới tính và khuyết tật	Khó tiếp cận các nhu yếu phẩm như thực phẩm và sản phẩm vệ sinh do khan hiếm hàng hóa	Phân biệt đối xử gia tăng do phản ứng với Covid-19	Không có khó khăn gì	Khác
Miền Bắc	37	16	24	4	27	1	31	1
Miền Trung	35	13	24	4	25	1	29	5
Miền Nam	31	17	23	6	36	3	25	2
Tổng	35	15	24	4	28	1	29	3

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Bảng 10. Những khó khăn trực tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT trong đợt dịch COVID-19 theo dạng khuyết tật (tỷ lệ % thừa nhận)

	Khó tiếp cận thông tin chính thức, chính xác về bảo vệ SK, phòng chống COVID-19, bao gồm thông tin về vắc-xin	Không được tham gia vào việc phòng chống dịch COVID-19 của cộng đồng địa phương	Khó tiếp cận dịch vụ hỗ trợ tâm lý XH	Trong khu cách ly không có đủ điều kiện tiếp cận cho NKT, không có những hỗ trợ thích hợp với giới tính và khuyết tật	Khó tiếp cận các nhu yếu phẩm như thực phẩm và sản phẩm vệ sinh do khan hiếm hàng hóa	Phân biệt đối xử gia tăng do phản ứng với Covid-19	Không có khó khăn gì	Khác
Vận động	32	16	21	4	30	1	27	3
Nghe nói	39	23	29	10	22	4	24	3
Nhìn	37	11	24	4	27	1	32	3

Trí tuệ/ kinh, thần/khác thần tâm	36	11	26	1	28	2	30	3
Tổng	35	15	24	4	28	1	29	3

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 7. Những khó khăn trực tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT theo giới trong đợt dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận)

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 8. Những khó khăn trực tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT theo vùng, miền trong đợt dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận)

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 9. Những khó khăn trực tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT theo dạng khuyết tật trong đợt dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận)

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Mặc dù kết quả khảo sát cho thấy có tới 29% NKT cho biết bản thân không có khó khăn gì về việc bảo vệ, CSSK, trong đó, NKT nam giới (31%), sống tại miền Bắc (31%) hay NKT nhìn (33%) là nhóm có tỷ lệ thừa nhận cao hơn so với các nhóm NKT khác. Song điều này không thể che đi thực tế rằng có tới 71% NKT đang gặp khó khăn.

Khó khăn lớn nhất được thừa nhận đó là khó tiếp cận thông tin chính thức, chính xác về bảo vệ SK, phòng chống COVID-19, bao gồm thông tin về vắc-xin (35%) để có thể giảm bớt cảm giác căng thẳng, lo lắng, sợ hãi và có thể chủ động ứng phó linh hoạt, tích cực, theo đúng hướng dẫn của phác đồ điều trị trong những tình huống cụ thể.

Cùng với đó thì nhiều NKT cũng cho biết họ khó tiếp cận các nhu yếu phẩm như thực phẩm và sản phẩm vệ sinh do khan hiếm hàng hóa (28%), nhất là trong giai đoạn thực hiện các biện pháp cách ly XH, hay khó tiếp cận dịch vụ hỗ trợ tâm lý XH (24%) để được can thiệp giải tỏa khỏi những cơn sang chấn, lo lắng, bồn khoăn, sợ hãi về tâm lý.

Thậm chí, một bộ phận NKT không được tham gia vào việc phòng chống dịch COVID-19 của cộng đồng địa phương (15%).

Cá biệt, có những trường hợp cho biết trong khu cách ly không có đủ điều kiện tiếp cận cho NKT, không có những hỗ trợ thích hợp với giới tính và khuyết tật (4%), hay bản thân chịu cảnh phân biệt đối xử gia tăng do phản ứng với Covid-19 (1%).

Bảng 11. Những khó khăn gián tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT trong đợt dịch COVID-19 theo giới (tỷ lệ % thừa nhận)

	Khó khăn khi tiếp cận các phòng khám, các dịch vụ kiểm tra SK và khám các bệnh không phải Covid-19	Khó khăn khi tiếp cận dịch vụ phục hồi chức năng và vật lý trị liệu	Khó khăn khi mua thuốc	Khó khăn khi tiếp cận thiết bị y tế và thiết bị hỗ trợ/trợ giúp	Khối lượng công việc tăng gấp đôi vì vừa đi làm vừa phải chăm sóc con cái khi các trường học đóng cửa	Cảm thấy phụ thuộc và bất an hơn khi thu nhập gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng	Khó khăn trong việc tiếp cận với giáo dục thường xuyên	Không có thách thức nào cả	Khác
Nam	46	14	23	13	3	31	3	16	3
Nữ	47	15	24	14	3	33	2	12	3
Khác	8	33	25	25	0	50	8	25	0
Tổng	46	14	23	13	3	32	2	14	3

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Bảng 12. Những khó khăn gián tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT trong đợt dịch COVID-19 theo vùng, miền (tỷ lệ % thừa nhận)

	Khó khăn khi tiếp cận các phòng khám, các dịch vụ kiểm tra SK và khám các bệnh không phải Covid-19	Khó khăn khi tiếp cận dịch vụ phục hồi chức năng và vật lý trị liệu	Khó khăn khi mua thuốc	Khó khăn khi tiếp cận thiết bị y tế và thiết bị hỗ trợ/trợ giúp	Khối lượng công việc tăng gấp đôi vì vừa đi làm vừa phải chăm sóc con cái khi các trường học đóng cửa	Cảm thấy phụ thuộc và bất an hơn khi thu nhập gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng	Khó khăn trong việc tiếp cận với giáo dục thường xuyên	Không có thách thức nào cả	Khác
Miền Bắc	50	13	23	13	3	28	2	14	3
Miền Trung	41	16	28	13	5	32	4	13	1
Miền Nam	44	14	23	14	3	36	2	15	2
Tổng	46	14	23	13	3	32	2	14	3

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Bảng 13. Những khó khăn gián tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT trong đợt dịch COVID-19 theo dạng khuyết tật (tỷ lệ % thừa nhận)

	Khó khăn khi tiếp cận các phòng khám, các dịch vụ kiểm tra SK và khám các bệnh không phải Covid-19	Khó khăn khi tiếp cận dịch vụ phục hồi chức năng và vật lý trị liệu	Khó khăn khi mua thuốc	Khó khăn khi tiếp cận thiết bị y tế và thiết bị hỗ trợ/trợ giúp	Khối lượng công việc tăng gấp đôi vì vừa đi làm vừa phải chăm sóc con cái khi các trường học đóng cửa	Cảm thấy phụ thuộc và bất an hơn khi thu nhập gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng	Khó khăn trong việc tiếp cận với giáo dục thường xuyên	Không có thách thức nào cả	Khác
Vận động	45	14	23	14	3	33	2	13	4
Nghe, nói	49	13	25	13	4	29	2	13	3
Nhìn	46	15	23	14	3	33	2	14	2
Trí tuệ/thần kinh, tâm thần, khác	42	13	22	13	3	33	3	15	3
Tổng	46	14	23	13	3	32	2	14	3

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 10. Những khó khăn gián tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT theo giới trong đợt dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận)

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 11. Những khó khăn gián tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT theo vùng, miền trong đợt dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận)

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 12. Những khó khăn gián tiếp ảnh hưởng đến việc bảo vệ SK của NKT theo dạng khuyết tật trong đợt dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận)

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Song song với đó, NKT còn gặp khó khăn khi tiếp cận các phòng khám, các dịch vụ kiểm tra SK và khám các bệnh không phải Covid-19 (46%) bởi hiện tượng cách ly y tế tại cộng đồng, nhiều bệnh viện phải dồn lực cho việc chống dịch. Đồng thời, một bộ phận NKT cảm thấy phụ thuộc và bất an hơn khi thu nhập gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng (32%) khiến họ suy giảm khả năng tài chính chi cho CSSK.

Trong những trường hợp cần thiết, hoặc dự phòng, nhiều NKT cũng gặp khó khăn khi mua thuốc (23%) bởi hiện tượng khan hiếm hoặc giảm chờ đợi giá, gặp khó khăn khi tiếp cận dịch vụ phục hồi chức năng và vật lý trị liệu (14%) bởi tình trạng đóng cửa theo các quy định phòng dịch của chính quyền địa phương, cũng như gặp khó khăn khi tiếp cận thiết bị y tế và thiết bị hỗ trợ/trợ giúp (13%).

Câu chuyện của người khuyết tật:

“KT gia đình sụt giảm do dịch Covid. Vì vậy, người khuyết tật như tôi trở thành nơi chúi giận của gia đình, người thân mỗi khi họ phải đi vay mượn tiền để sinh hoạt. Mọi người thường chỉ chiết tôi: Những người có Covid chết, tại sao người khuyết tật không chết đi?”

Câu chuyện của người khuyết tật:

“Cá nhân em là bệnh nhân ung thư và khuyết tật vận động nặng. Hàng tháng, em phải đến bệnh viện khám và lấy thuốc định kỳ. Thời gian này dịch bệnh, bệnh viện đóng cửa không nhận bệnh nhân ngoại trú đến khám nên em bị ảnh hưởng rất nhiều về SK. Ngày 11/9/2021, địa phương em tổ chức tiêm vaccin Covid 19 nhưng em bị từ chối vì lý do có bệnh nền và phải chuyển lên tuyến trên. Nhưng thông tin rất không rõ ràng và hiện tại thì em không biết khi nào mình được tiêm và tiêm ở đâu”.

4.2. Cảm nhận trái chiều của người khuyết tật trong cơn đại dịch Covid – 19: sự bảo vệ, sự an toàn đi kèm cùng tâm lý bi quan, tiêu cực

Thế “đôi ngả” trong cảm nhận của NKT, đó là sự bảo vệ, che chở, an toàn của XH cùng trạng thái tâm lý bi quan, tiêu cực, lo lắng, thậm chí là tuyệt vọng.

Trong đại dịch Covid – 19, Chính phủ Việt Nam liên tục tung ra các biện pháp, chính sách, các gói hỗ trợ dành cho việc chăm sóc, bảo vệ SK của người dân, như cung cấp miễn phí các gói điều trị bệnh, các gói dịch vụ chăm sóc phục hồi bệnh... Điều đó giúp cho nhiều NKT cảm nhận bản thân được hỗ trợ (38%), được bảo vệ (29%), nhờ vậy mà có tới 15% cho biết sẵn sàng đương đầu với dịch bệnh và 11% cảm thấy lạc quan dù rằng dịch bệnh vẫn đang hoành hành.

Bảng 14. Cảm nhận của bản thân NKT trong đại dịch Covid 19 theo giới tính (tỷ lệ % thừa nhận)

	Được hỗ trợ	Được bảo vệ	Sẵn sàng	Lo lắng	Trầm cảm	Lạc quan	Bị cô lập/cô đơn	Tuyệt vọng về viễn cảnh tương lai	Tổn thương thể chất	Tổn thương tinh thần	Khác
Nam	37	29	15	55	5	11	10	13	7	13	1
Nữ	38	29	16	54	5	10	9	10	8	15	1
Khác	33	42	25	42	0	17	8	25	8	17	8
Tổng	38	29	15	55	5	11	9	12	8	14	1

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Bảng 15. Cảm nhận của bản thân NKT trong đại dịch Covid 19 theo vùng, miền (tỷ lệ % thừa nhận)

	Được hỗ trợ	Được bảo vệ	Sẵn sàng	Lo lắng	Trầm cảm	Lạc quan	Bị cô lập/cô đơn	Tuyệt vọng về viễn cảnh tương lai	Tổn thương thể chất	Tổn thương tinh thần	Khác
Miền Bắc	38	29	16	53	6	11	9	12	8	14	1
Miền Trung	35	32	19	55	5	14	12	12	7	13	1
Miền Nam	38	30	15	54	4	10	8	11	6	13	1
Tổng	38	29	15	55	5	11	9	12	8	14	1

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Bảng 16. Cảm nhận của bản thân NKT trong đại dịch Covid 19 theo dạng khuyết tật (tỷ lệ % thừa nhận)

	Được hỗ trợ	Được bảo vệ	Sẵn sàng	Lo lắng	Trầm cảm	Lạc quan	Bị cô lập/cô đơn	Tuyệt vọng về viễn cảnh tương lai	Tổn thương thể chất	Tổn thương tinh thần	Khác
Vận động	39	24	11	61	5	10	8	11	9	17	2
Nghe nói	37	28	14	56	6	11	9	14	9	15	1
Nhìn	38	31	16	55	5	11	9	11	7	14	1
Trí tuệ/ thần kinh, tâm thần/khác	35	27	16	53	4	9	9	12	6	12	1
Tổng	38	29	15	55	5	11	9	12	8	14	1

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 13. Cảm nhận của bản thân NKT theo giới trong đại dịch Covid 19 (tỷ lệ % thừa nhận)

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 14. Cảm nhận của bản thân NKT theo vùng, miền trong đại dịch Covid 19 (tỷ lệ % thừa nhận)

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 15. Cảm nhận của bản thân NKT theo dạng khuyết tật trong đại dịch Covid 19 (tỷ lệ % thừa nhận)

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Tuy nhiên, ảnh hưởng của dịch bệnh cũng khiến 55% NKT cảm thấy lo lắng, 14% cảm thấy bản thân chịu đựng sự tổn thương tinh thần, 9% cảm thấy bị cô lập/cô đơn, thậm chí có tới 12% cảm thấy tuyệt vọng về viễn cảnh tương lai.

5. Các chiến lược đối phó với Covid 19

Sự tuân thủ các quy định phòng dịch, sự chủ động thích nghi, tìm kiếm sự can thiệp, trợ giúp từ nhà nước và XH là những biện pháp được nhiều NKT và gia đình áp dụng để đối phó với đại dịch Covid – 19. Nhiều chủ thể XH đã tích cực tham gia trợ giúp NKT và gia đình giảm bớt khó khăn. Đa số NKT có nhu cầu được hỗ trợ về tài chính, kế đó là các hỗ trợ bảo vệ SK và sau cùng là các hỗ trợ về kỹ năng phòng bệnh và can thiệp tâm lý.

5.1. Cách thức ứng phó của người khuyết tật và gia đình với đại dịch COVID-19

Hạn chế ra đường, tích trữ lương thực, sử dụng các khoản tiết kiệm, tìm kiếm sự giúp đỡ của cộng đồng/XH ... là những biện pháp mà NKT và gia đình áp dụng để phòng, chống dịch.

Các trang thông tin chính thức của Chính phủ, của Bộ Y tế, của chính quyền địa phương, của các cơ sở y tế ... thường xuyên cập nhật thông tin về các biện pháp phòng, ngừa lây nhiễm Covid – 19 tại cộng đồng. Hoạt động tuyên truyền tích cực cùng với ý thức phối hợp cao từ phía XH đã tạo ra những thành công đầy ấn tượng của Việt Nam về chống dịch. Trong bối cảnh đó, NKT và gia đình cũng chủ động thực hiện những biện pháp ứng phó phù hợp.

Bảng 17. Cách thức ứng phó của NKT và gia đình với dịch COVID-19 theo giới (tỷ lệ % thừa nhận)

	Ở nhà, hạn chế ra đường hết mức có thể	Tích trữ đồ ăn và các sản phẩm vệ sinh	Tìm một công việc khác	Tìm nhiều cách để tạo ra thu nhập thêm	Sử dụng các khoản tiết kiệm	Tìm kiếm sự giúp đỡ của họ hàng, hàng xóm và bạn bè (trông con hộ...)	Nghỉ việc để ở nhà chăm sóc con cái và làm việc nhà	Sử dụng dịch vụ trực tuyến /giao hàng tận nhà để mua các nhu yếu phẩm	Nhận sự hỗ trợ của dịch vụ bảo trợ XH của Nhà nước và của các tổ chức XH	Không làm gì
Nam	95	49	11	12	24	15	13	15	22	4
Nữ	93	48	9	15	24	16	13	15	25	4
Khác	92	58	17	8	8	17	25	17	25	0
Tổng	94	49	10	13	24	16	13	15	24	4

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Bảng 18. Cách thức ứng phó của NKT và gia đình với dịch COVID-19 theo vùng, miền (tỷ lệ % thừa nhận)

	Ở nhà, hạn chế ra đường hết mức có thể	Tích trữ đồ ăn và các sản phẩm vệ sinh	Tìm một công việc khác	Tìm nhiều cách để tạo ra thu nhập thêm	Sử dụng các khoản tiết kiệm	Tìm kiếm sự giúp đỡ của họ hàng, hàng xóm và bạn bè (trông con hộ...)	Nghỉ việc để ở nhà chăm sóc con cái và làm việc nhà	Sử dụng dịch vụ trực tuyến /giao hàng tận nhà để mua các nhu yếu phẩm	Nhận sự hỗ trợ của dịch vụ bảo trợ XH của Nhà nước và của các tổ chức XH	Không làm gì
Miền Bắc	92	47	10	14	24	15	13	14	24	5
Miền Trung	95	48	8	14	23	15	14	15	24	3
Miền Nam	94	52	12	12	23	17	12	16	22	3
Tổng	94	49	10	13	24	16	13	15	24	4

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Bảng 19. Cách thức ứng phó của NKT và gia đình với dịch COVID-19 theo dạng khuyết tật (tỷ lệ % thừa nhận)

	Ở nhà, hạn chế ra đường hết mức có thể	Tích trữ đồ ăn và các sản phẩm vệ sinh	Tìm một công việc khác	Tìm nhiều cách để tạo ra thu nhập thêm	Sử dụng các khoản tiết kiệm	Tìm kiếm sự giúp đỡ của họ hàng, hàng xóm và bạn bè (trông con hộ...)	Nghỉ việc để ở nhà chăm sóc con cái và làm việc nhà	Sử dụng dịch vụ trực tuyến /giao hàng tận nhà để mua các nhu yếu phẩm	Nhận sự hỗ trợ của dịch vụ bảo trợ XH của Nhà nước và của các tổ chức XH	Không làm gì
Vận động	95	50	10	14	22	16	12	15	23	3
Nghe nói	93	47	7	14	25	18	18	16	23	4
Nhìn	94	48	10	12	24	15	13	15	25	4

Trí tuệ/ thần kinh, tâm thần/khác	94	49	9	12	26	12	14	13	23	6
Tổng	94	49	10	13	24	16	13	15	24	4

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 16. Cách thức ứng phó của NKT và gia đình theo giới với dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận)

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 17. Cách thức ứng phó của NKT và gia đình theo vùng, miền với dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận)

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 18. Cách thức ứng phó của NKT và gia đình theo dạng khuyết tật với dịch COVID-19 (tỷ lệ % thừa nhận)

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biện pháp được đa số NKT và gia đình sử dụng là ở nhà, hạn chế ra đường hết mức có thể (94%) theo đúng khuyến cáo của các đơn vị chức năng. Tích trữ đồ ăn và các sản phẩm vệ sinh (49%) cũng là biện pháp cơ bản được nhiều hộ gia đình NKT sử dụng nhằm đảm bảo có đủ lương thực, thực phẩm trong giai đoạn cách ly XH. Biện pháp này góp phần nâng cao khả năng hạn chế ra đường khi không thực sự cần thiết.

Sử dụng các khoản tiết kiệm (24%), nhận sự hỗ trợ của dịch vụ bảo trợ XH của Nhà nước và của các tổ chức XH (24%) là những biện pháp bổ sung cho phép NKT và gia đình có khả năng tồn tại trong không gian thu hẹp của hộ.

Tìm kiếm sự giúp đỡ của họ hàng, hàng xóm và bạn bè (trông con hộ...) (16%), sử dụng dịch vụ trực tuyến /giao hàng tận nhà để mua các nhu yếu phẩm (15%), nghỉ việc để ở nhà chăm sóc con cái và làm việc nhà (13%) cũng là những biện pháp được NKT và gia đình sử dụng để hạn chế tiếp xúc XH, hạn chế nguy cơ lây nhiễm virus Sars-covid 2.

5.2. Các nguồn hỗ trợ chủ yếu cho người khuyết tật

Sự hỗ trợ từ cộng đồng, XH đã góp phần tăng cường khả năng chống chịu với đại dịch Covid – 19 cho NKT và gia đình trong giai đoạn cách ly XH và phòng ngừa lây nhiễm.

Với chủ trương đảm bảo an toàn lương thực và các vật dụng sinh hoạt thiết yếu, cung cấp miễn phí cho các nhóm XH chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid – 19, Chính phủ Việt Nam, các tổ chức XH, các nhà hảo tâm đã cùng chung tay kiến tạo các gói hỗ trợ đa dạng, thiết thực, đáp ứng ngay một số nhu cầu cấp thiết của người dân. Nhiều NKT cũng được hưởng lợi từ các hoạt động XH này.

Bảng 20. Những hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho NKT theo giới (tỷ lệ % thừa nhận)

	Các sản phẩm bảo vệ SK như xà phòng, nước rửa tay khô, nước sạch, khẩu trang...	Tập huấn thích hợp/ứng phó (cách rửa tay, cách dùng khẩu trang, giãn cách XH...)	Ưu tiên cho NKT trong các dịch vụ XH (giờ ưu tiên cho NKT ở các chợ /siêu thị....)	Hỗ trợ tâm lý XH	Trang thiết bị y tế	Thuốc men	Thực phẩm	Tiền trợ cấp hoặc các hỗ trợ khác về tài chính (gia hạn nộp thuế, giảm thuế, vốn vay với lãi suất thấp hơn lúc không có dịch...)	Thông tin về dịch bệnh bằng các kênh/ định dạng khác nhau phù hợp với dạng tật	Vắc-xin	Tư vấn từ xa hoặc các hình thức dịch vụ CSSK khác	Không nhận được hỗ trợ gì	Khác
Nam	32	6	8	2	2	3	21	19	3	22	2	26	0
Nữ	34	8	9	1	2	3	22	21	2	21	3	25	0
Khác	17	0	0	0	0	0	17	17	0	0	0	67	0
Tổng	33	7	9	2	2	3	21	20	2	21	2	26	0

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Bảng 21. Những hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho NKT theo vùng, miền (tỷ lệ % thừa nhận)

	Các sản phẩm bảo vệ SK như xà phòng, nước rửa tay khô, nước sạch, khẩu trang...	Tập huấn thích hợp/ứng phó (cách rửa tay, cách dùng khẩu trang, giãn cách XH...)	Ưu tiên cho NKT trong các dịch vụ XH (giờ ưu tiên cho NKT ở các chợ/siêu thị....)	Hỗ trợ tâm lý XH	Trang thiết bị y tế	Thuốc men	Thực phẩm	Tiền trợ cấp hoặc các hỗ trợ khác về tài chính (gia hạn nộp thuế, giảm thuế, vốn vay với lãi suất thấp hơn lúc không có dịch...)	Thông tin về dịch bệnh bằng các kênh/ định dạng khác nhau phù hợp với dạng tật	Vắc-xin	Tư vấn từ xa hoặc các hình thức dịch vụ CSSK khác	Không nhận được hỗ trợ gì	Khác
Miền Bắc	32	6	7	2	2	4	22	18	3	21	2	26	0
Miền Trung	32	8	9	1	3	2	21	22	2	23	3	26	0
Miền Nam	36	5	10	1	2	3	22	20	2	17	1	25	0
Tổng	33	7	9	2	2	3	21	20	2	21	2	26	0

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Bảng 22. Những hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho NKT theo dạng khuyết tật (tỷ lệ % thừa nhận)

	Các sản phẩm bảo vệ SK như xà phòng, nước rửa tay khô, nước sạch, khẩu trang...	Tập huấn thích hợp/ứng phó (cách rửa tay, cách dùng khẩu trang, giãn cách XH...)	Ưu tiên cho NKT trong các dịch vụ XH (giờ ưu tiên cho NKT ở các chợ/siêu thị....)	Hỗ trợ tâm lý XH	Trang thiết bị y tế	Thuốc men	Thực phẩm	Tiền trợ cấp hoặc các hỗ trợ khác về tài chính (gia hạn nộp thuế, giảm thuế, vốn vay lãi suất thấp hơn lúc không có dịch...)	Thông tin về dịch bệnh bằng các kênh/ định dạng khác nhau phù hợp với dạng tật	Vắc-xin	Tư vấn từ xa hoặc các hình thức dịch vụ CSSK khác	Không nhận được hỗ trợ gì	Khác
Vận động	32	6	8	2	3	3	21	21	2	21	2	25	0
Nghe nói	36	4	9	2	2	3	20	20	2	23	1	28	0
Nhìn	32	8	10	1	2	3	22	18	3	20	4	25	0
Trí tuệ/ thần kinh, tâm thần/khác	33	7	9	2	2	3	21	19	2	23	0	29	0
Tổng	33	7	9	2	2	3	21	20	2	21	2	26	0

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 19. Những hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho NKT theo giới (tỷ lệ % thừa nhận)

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 20. Những hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho NKT theo vùng, miền (tỷ lệ % thừa nhận)

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 21. Những hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho NKT theo dạng khuyết tật (tỷ lệ % thừa nhận)

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Theo đó, có tới 33% NKT được cung cấp các sản phẩm bảo vệ SK như xà phòng, nước rửa tay khô, nước sạch, khẩu trang... nhằm hạn chế nguy cơ lây nhiễm, 22% được hỗ trợ lương thực, thực phẩm, 20% được hỗ trợ tiền trợ cấp hoặc các hỗ trợ khác về tài chính (gia hạn nộp thuế, giảm thuế, vốn vay với lãi suất thấp hơn lúc không có dịch...) để giảm bớt khó khăn.

Đồng thời, nhiều NKT được hỗ trợ các gói bảo vệ và CSSK thông qua các biện pháp cung cấp Vắc-xin (21%), thuốc chữa bệnh (3%), trang thiết bị y tế (2%), tư vấn từ xa hoặc các hình thức dịch vụ CSSK khác (2%), và cả các gói hỗ trợ tâm lý XH (2%).

Các gói hỗ trợ trên được cung cấp một cách rộng rãi, nhờ vậy, có tới ¾ NKT (74%) nhận được tối thiểu một loại hình hỗ trợ từ Nhà nước, cộng đồng, chính quyền địa phương hay các tổ chức XH.

Bảng 23. Các tổ chức/cá nhân tham gia hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho gia đình của NKT theo giới (đơn vị: %)

	Chính quyền	Tổ chức của/vì NKT	Các tổ chức chính trị XH địa phương (Mặt trận tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ...)	Các Ngân hàng Thương mại trong lịch trình hoàn trả khoản vay, khoản vay luân chuyển và giảm lãi suất	Hỗ trợ KD từ các Doanh nghiệp/hiệp hội nghề nghiệp/Đối tác khác	Quỹ VL/Quỹ bảo hiểm XH, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế nhà nước	Hỗ trợ tài chính từ gia đình và người thân	Không nhận được bất kỳ sự hỗ trợ nào	Khác
Nam	42	26	19	1	5	4	15	31	3
Nữ	37	26	18	1	4	4	16	30	3
Khác	25	8	0	0	0	0	8	58	0
Tổng	39	26	19	1	5	4	15	31	3

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Bảng 24. Các tổ chức/cá nhân tham gia hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho gia đình của NKT theo vùng, miền (đơn vị: %)

	Chính quyền	Tổ chức của/vì NKT	Các tổ chức chính trị XH địa phương (Mặt trận tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ...)	Các Ngân hàng Thương mại trong lịch trình hoàn trả khoản vay, khoản vay luân chuyển và giảm lãi suất	Hỗ trợ KD từ các Doanh nghiệp/hiệp hội nghề nghiệp/Đối tác khác	Quỹ VL/Quỹ bảo hiểm XH, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế nhà nước	Hỗ trợ tài chính từ gia đình và người thân	Không nhận được bất kỳ sự hỗ trợ nào	Khác
Miền Bắc	40	26	17	1	5	4	15	30	3
Miền Trung	40	25	21	1	5	3	16	31	3
Miền Nam	37	27	19	1	2	6	15	32	3
Tổng	39	26	19	1	5	4	15	31	3

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Bảng 25. Các tổ chức/cá nhân tham gia hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho gia đình của NKT theo dạng khuyết tật (đơn vị: %)

	Chính quyền	Tổ chức của/vì NKT	Các tổ chức chính trị XH địa phương (Mặt trận tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ...)	Các Ngân hàng Thương mại trong lịch trình hoàn trả khoản vay, khoản vay luân chuyển và giảm lãi suất	Hỗ trợ KD từ các Doanh nghiệp/hiệp hội nghề nghiệp/Đối tác khác	Quỹ VL/Quỹ bảo hiểm XH, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế nhà nước	Hỗ trợ tài chính từ gia đình và người thân	Không nhận được bất kỳ sự hỗ trợ nào	Khác
Vận động	39	25	19	1	3	4	16	31	3
Nghe nói	34	27	20	1	6	5	14	33	4
Nhìn	40	26	19	1	5	3	15	30	3

Trí tuệ/ kinh, thần/khác	39	26	17	2	6	3	12	34	2
Tổng	39	26	19	1	5	4	15	31	3

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 22. Các tổ chức/cá nhân tham gia hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho gia đình của NKT theo giới

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 23. Các tổ chức/cá nhân tham gia hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho gia đình của NKT theo vùng, miền

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 24. Các tổ chức/cá nhân tham gia hỗ trợ để ứng phó với COVID-19 dành cho gia đình của NKT theo vùng, miền

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Những chủ thể XH tham gia tích cực nhất vào cung cấp các gói hỗ trợ nêu trên dành cho NKT là chính quyền địa phương (39%), tổ chức của/vì NKT (28%), các tổ chức chính trị XH địa phương (Mặt trận tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ...) (19%).

Ngoài ra, sự hỗ trợ dành cho NKT trong cơn đại dịch còn đến từ các doanh nghiệp/hiệp hội nghề nghiệp/đối tác khác (5%), quỹ VL/quỹ bảo hiểm XH, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế nhà nước (4%), các ngân hàng thương mại trong lịch trình hoàn trả khoản vay, khoản vay luân chuyển và giảm lãi suất (1%), cũng như từ phía gia đình và người thân (15%).

5.3. Mức độ cần hỗ trợ các sản phẩm, dịch vụ từ phía người khuyết tật

Được hỗ trợ về KT là nhu cầu cao nhất của NKT, kế đó là nhu cầu được hỗ trợ về các biện pháp bảo vệ, CSSK. Nhu cầu được hỗ trợ kỹ năng phòng bệnh và can thiệp tâm lý được xếp vào vị trí sau cùng.

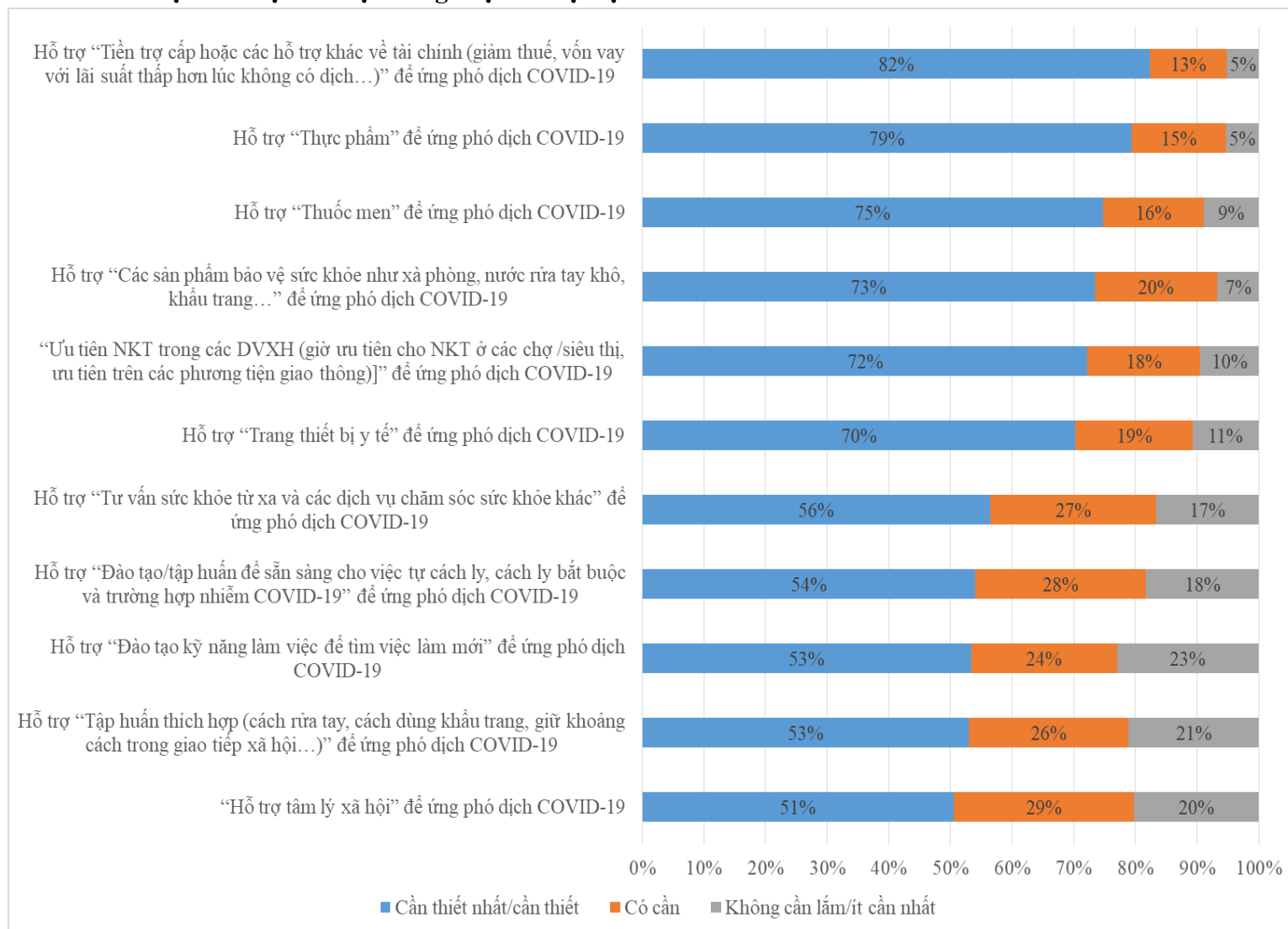
Bằng những trải nghiệm thực tiễn trong con đại dịch, NKT dường như có những thứ tự ưu tiên về những gói hỗ trợ mong muốn nhận được từ Nhà nước và XH.

Bảng 26. Mức độ cần được hỗ trợ chống chọi với đại dịch Covid - 19 của NKT (đơn vị: %)

	Cần thiết nhất/cần thiết	Có cần	Không cần lắm/ít cần nhất
“Hỗ trợ tâm lý XH” để ứng phó dịch COVID-19	51	29	20
Hỗ trợ “Tập huấn thích hợp (cách rửa tay, cách dùng khẩu trang, giữ khoảng cách trong giao tiếp XH...)” để ứng phó dịch COVID-19	53	26	21
Hỗ trợ “Đào tạo kỹ năng làm việc để tìm VL mới” để ứng phó dịch COVID-19	53	24	23
Hỗ trợ “Đào tạo/tập huấn để sẵn sàng cho việc tự cách ly, cách ly bắt buộc và trường hợp nhiễm COVID-19” để ứng phó dịch COVID-19	54	28	18
Hỗ trợ “Tư vấn SK từ xa và các dịch vụ CSSK khác” để ứng phó dịch COVID-19	56	27	17
Hỗ trợ “Trang thiết bị y tế” để ứng phó dịch COVID-19	70	19	11
“Ưu tiên NKT trong các DVXH (giờ ưu tiên cho NKT ở các chợ /siêu thị, ưu tiên trên các phương tiện giao thông)]” để ứng phó dịch COVID-19	72	18	10
Hỗ trợ “Các sản phẩm bảo vệ SK như xà phòng, nước rửa tay khô, khẩu trang...” để ứng phó dịch COVID-19	73	20	7
Hỗ trợ “Thuốc men” để ứng phó dịch COVID-19	75	16	9
Hỗ trợ “Thực phẩm” để ứng phó dịch COVID-19	79	15	5
Hỗ trợ “Tiền trợ cấp hoặc các hỗ trợ khác về tài chính (giảm thuế, vốn vay với lãi suất thấp hơn lúc không có dịch...)” để ứng phó dịch COVID-19	82	13	5

(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Biểu 25. Mức độ cần được hỗ trợ chống chọi với đại dịch Covid - 19 của NKT



(Nguồn: kết quả khảo sát đánh giá nhanh lần 2, 2021)

Theo bảng danh mục các mức độ thể hiện nhu cầu được hỗ trợ nêu trên, NKT quan tâm trước hết đến việc được hỗ trợ “Tiền trợ cấp hoặc các hỗ trợ khác về tài chính (giảm thuế, vốn vay với lãi suất thấp hơn lúc không có dịch...)” (82%), được hỗ trợ “thực phẩm” (79%). Những gói hỗ trợ này giúp cho NKT giảm bớt khó khăn về KT, tăng cường nguồn lực thích ứng với bối cảnh XH mới trong và sau con đại dịch.

Nhu cầu được hỗ trợ “thuốc men” (75%), hỗ trợ “các sản phẩm bảo vệ SK như xà phòng, nước rửa tay khô, khẩu trang...” (73%), hỗ trợ “trang thiết bị y tế” (70%) nằm trong nhóm danh mục ưu tiên thứ 2 mà NKT mong đợi nhận được. Các gói hỗ trợ này giúp cho NKT tăng cường khả năng bảo vệ SK của bản thân và gia đình.

Nhu cầu được hỗ trợ “tư vấn SK từ xa và các dịch vụ CSSK khác” (56%), được hỗ trợ “đào tạo/tập huấn để sẵn sàng cho việc tự cách ly, cách ly bắt buộc và trường hợp nhiễm COVID-19” (54%), được hỗ trợ “tập huấn thích hợp (cách rửa tay, cách dùng khẩu trang, giữ khoảng cách trong giao tiếp XH...)” (53%) và được “hỗ trợ tâm lý XH” (51%) được xếp vào nhóm thứ 3 trong hệ thống danh mục thứ tự ưu tiên mà NKT mong đợi. Những biện pháp này có thể giúp NKT chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa lây nhiễm virus sars – covi 2 và tránh được những sang chấn tâm lý.

IV. Kết luận

Đại dịch Covid – 19 đã gây ra nhiều xáo trộn cho đời sống của NKT. Sự thông tin tích cực và truyền thông rộng khắp của Nhà nước và XH giúp cho đa số NKT nhận thức được mức độ nguy hiểm của nó. Những hệ lụy mà Covid gây ra cho NKT đó là VL và thu nhập bị suy giảm, nhiều hộ gia đình NKT buộc phải sử dụng các biện pháp thắt chặt chi tiêu, bao gồm để phục vụ nhu cầu sinh hoạt thiết yếu nhất.

Đại dịch Covid – 19 cũng khiến nhiều NKT gặp khó khăn trong chăm sóc và bảo vệ SK. Dù một bộ phận cảm nhận được sự quan tâm, chăm sóc và bảo vệ của XH, từ đó có thái độ lạc quan và tin tưởng, song một bộ phận khác lại có cảm nhận lo âu, sợ hãi, trầm cảm, thậm chí là lo lắng, tuyệt vọng về tương lai.

Các chiến lược ứng phó cơ bản nhất với đại dịch được nhiều NKT áp dụng là tuân thủ quy định của Ban chỉ đạo phòng chống dịch - hạn chế ra đường, tiếp đó là biện pháp được cho là phù hợp với NKT - tích trữ lương thực (tránh bị đói/phải kêu gọi cứu trợ/ phải ra ngoài nhiều trong bối cảnh toàn xã hội thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về giãn cách xã hội), sử dụng các khoản tiết kiệm và hỗ trợ từ gia đình, cộng đồng và XH. Nhiều chủ thể XH và Nhà nước đã tích cực, chủ động tham gia trợ giúp NKT vượt qua con đại dịch. Nhìn chung, nhu cầu của NKT trước hết là được hỗ trợ về KT, sau đó là các hỗ trợ bảo vệ SK, rồi mới đến hỗ trợ các kỹ năng phòng dịch.

Thực tế này đòi hỏi sự chung sức của Nhà nước và XH trong can thiệp, trợ giúp NKT hướng tới tương lai.

V. Khuyến nghị đối với chính phủ, các tổ chức của và vì người khuyết tật, các tổ chức xã hội dân sự, cộng đồng, UNDP, các cơ quan LHQ

Mục tiêu của báo cáo nhanh này là đưa ra khuyến nghị tới chính phủ, các tổ chức của và vì NKT, các tổ chức XH dân sự, cộng đồng, UNDP, các cơ quan LHQ các phương án đảm bảo quyền của người khuyết tật trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và các đại dịch khác có thể xảy ra trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Do vậy, nhóm nghiên cứu đưa ra các đề xuất sau:

1. Đề xuất các khuyến nghị cho chính phủ

COVID-19 đã tác động lớn tới cuộc sống của nhiều NKT tại Việt Nam và thể hiện một số điểm yếu về cấu trúc của nền KT và các dịch vụ y tế, an sinh XH. Do vậy, khuyến nghị Chính phủ cần thực hiện các phân tích toàn diện về tác động của COVID-19 ở cấp vĩ mô và vi mô đối với nhóm NKT (do họ có đặc điểm cá nhân và tiếp cận xã hội thiệt thòi hơn so với nhóm đa số, dễ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19), từ đó, đưa ra các đề xuất trung hạn và dài hạn về hỗ trợ hòa nhập cho NKT trong các chương trình phát triển KT, XH.

Luật bảo hiểm y tế cần được điều chỉnh, bổ sung, tăng cường phạm vi thanh toán khám chữa bệnh cho NKT trong trường hợp dịch bệnh (vừa điều trị covid, vừa điều trị các loại bệnh lý khác); xây dựng các quy định trợ giúp đặc thù cho NKT trong giai đoạn nhiễm bệnh và phục hồi.

Các gói an sinh XH của Chính phủ cần tính đến việc mở rộng cơ hội và phạm vi tiếp cận của NKT, đồng thời đảm bảo đáp ứng nhu cầu cơ bản ở mức tối thiểu trong suốt quá trình diễn ra đại dịch.

Các gói kích cầu phát triển KT của Chính phủ cần quan tâm đến các doanh nghiệp sử dụng lao động là NKT và dành riêng một tỷ lệ nhất định phát triển TTLĐ dành cho NKT.

2. Đề xuất các khuyến nghị cho các tổ chức của và vì người khuyết tật

Tăng cường các hoạt động truyền thông phù hợp với NKT về chăm sóc và bảo vệ SK cho NKT trong đại dịch; thực hiện kết nối NKT với doanh nghiệp và người sử dụng lao động; kết nối NKT với các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn, bảo vệ SK, tư vấn tâm lý.

Tăng cường vận động nguồn lực XH quan tâm đến NKT thông qua các dịch vụ CSSK, tiếp cận giáo dục và đào tạo nghề; dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm và tạo việc làm cho NKT; kết nối NKT nặng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với các tổ chức XH từ thiện, các nhà hảo tâm.

Thực hiện tư vấn cho Chính phủ các biện pháp chăm sóc và bảo vệ sự an toàn cho NKT trong đại dịch.

3. Đề xuất các khuyến nghị cho các tổ chức xã hội dân sự và cộng đồng

Tăng cường thực hiện các hoạt động hỗ trợ NKT vượt qua đại dịch và tăng khả năng phục hồi sau đại dịch bằng các gói hỗ trợ về VL, thuốc chữa bệnh, lương thực, thực phẩm.

Thực hiện các hoạt động thăm hỏi, động viên, lập danh sách hộ gia đình NKT cần trợ giúp đột xuất, trợ giúp dài hạn; kết nối NKT với doanh nghiệp, với các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn phòng ngừa và điều trị dịch bệnh, dịch vụ tư vấn SK, và tư vấn tâm lý.

4. Đề xuất các khuyến nghị cho UNDP và các cơ quan LHQ

Cung cấp nguồn lực trợ giúp nâng cao năng lực cho Tổ chức của và vì NKT trong vận động chính sách, huy động các nguồn lực hỗ trợ triển khai các chương trình hỗ trợ NKT phục hồi sau Covid 19.

Hỗ trợ nâng cao năng lực của Ủy ban Quốc gia về NKT trong vận động đưa NKT vào nhóm ưu tiên trong tất cả các kế hoạch, các gói cứu trợ của chính phủ liên quan đến Covid 19 vì quyền của NKT và năng lực điều phối liên bộ, liên ngành để đảm bảo NKT hòa nhập kịp thời và tốt hơn trong các chính sách trên mọi phương diện khác, ngoài bảo trợ XH.

Tư vấn, hỗ trợ Bộ LĐTBXH mở rộng, tăng cường số lượng NKT nhận được chứng nhận khuyết tật và tăng cường tính minh bạch của quá trình này.

Cung cấp nguồn lực mở rộng, nâng cao chất lượng cho lực lượng cung cấp dịch vụ trợ giúp XH của Bộ LĐTBXH dành cho NKT, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em khuyết tật và trợ giúp tâm lý - XH cho NKT chịu nhiều tác động về tâm lý./.

Phụ lục 1

Bảng 1. Nguồn tiếp nhận lời khuyên để giảm thiểu lây nhiễm COVID-19, các biện pháp hạn chế tiếp xúc ở nơi công cộng và những dịch vụ cần thiết cho phòng chống dịch bệnh (Tỷ lệ % thừa nhận)												
	Trang web của Chính phủ	Báo mạng	TV	Đài phát thanh	Báo in	File âm thanh	Chữ nổi	Truyền miệng	Tin nhắn trên di động	Các ứng dụng chính thức trên di động về COVID-19 như Bluezone	Các mạng XÃ HỘI (Facebook, Zalo, Viber)	Khác
Theo giới tính												
Nam	24	42	65	50	3	4	1	34	34	29	45	4
Nữ	24	42	64	47	3	3	1	30	34	29	54	2
Khác	42	42	50	33	0	0	0	17	33	58	67	0
Theo vùng/miền												

Miền Bắc	24	41	65	47	2	3	1	29	34	29	47	7
Miền Trung	21	41	65	53	4	3	1	36	34	26	48	1
Miền Nam	30	48	59	43	4	4	1	29	34	36	55	0
Theo dạng khuyết tật												
Vận động	24	44	66	52	3	5	1	36	33	30	48	4
Nghe nói	30	45	59	37	3	2	0	25	35	31	54	3
Nhìn	23	39	63	46	3	2	1	28	34	29	51	2
Trí tuệ/ thần kinh, tâm thần/khác	22	41	64	51	4	3	1	33	34	26	43	5
Tổng	24	42	64	48	3	3	1	32	34	29	49	3

Bảng 2. Tình trạng nghề nghiệp hiện nay của NKT (đơn vị: %)						
	Đang đi làm	Vừa đi học, vừa đi làm	Đang đi học, chưa đi làm	Không đi học, cũng không đi làm	Đã nghỉ hưu	Khác
Theo giới tính						
Nam	46	3	2	38	4	7
Nữ	41	2	3	39	4	11
Khác	83	0	0	17	0	0
Theo vùng/miền						
Miền Bắc	37	3	3	47	3	7
Miền Trung	48	2	2	35	4	9
Miền Nam	51	2	2	27	5	13
Theo dạng khuyết tật						
Vận động	47	3	2	36	4	8
Nghe nói	39	2	4	41	4	10
Nhìn	43	2	2	40	3	10

Trí tuệ/ thần kinh, tâm thần/khác	43	3	2	42	3	7
Tổng	44	2	3	38	4	9

Bảng 3. Số ngày làm việc trung bình/tháng của NKT (đơn vị: %)					
	1 tuần trở xuống	2 tuần	3 tuần	4 tuần	
Theo giới tính					
Nam	4	6	15	75	
Nữ	0	3	18	79	
Khác	14	0	0	86	
Theo vùng/miền					
Miền Bắc	2	5	17	76	
Miền Trung	2	6	19	73	
Miền Nam	1	4	11	84	
Theo dạng khuyết tật					
Vận động	2	6	14	78	
Nghe nói	3	8	12	77	
Nhìn	1	3	21	75	
Trí tuệ/ thần kinh, tâm thần/khác	3	1	18	78	
Tổng	2	5	16	77	

Bảng 4. Hình thức làm việc của NKT (đơn vị: %)					
	Công việc chính thức/ có hợp đồng lao động	Công việc không chính thức/ không có hợp đồng lao động	Lao động tự do	Chủ doanh nghiệp được cấp phép	Buôn bán nhỏ, KD không phép
Theo giới tính					
Nam	43	13	37	3	4

Nữ	44	16	31	3	6
Khác	56	22	11	0	11
Theo vùng/miền					
Miền Bắc	45	16	27	5	7
Miền Trung	31	15	46	2	6
Miền Nam	62	11	23	2	2
Theo dạng khuyết tật					
Vận động	44	16	34	3	3
Nghe nói	45	17	34	2	2
Nhìn	45	10	31	4	10
Trí tuệ/ thần kinh, tâm thần/khác	44	15	32	2	7
Tổng	44	14	34	3	5

Phụ lục 2: Câu chuyện của người khuyết tật

Anh H, 32 tuổi, bị khuyết tật vận động sống tại phường Bửu Hòa, Biên Hoà, Đồng Nai (là khu vực vùng Đỏ trong đợt bùng phát COVID-19 vì có nhiều ca lây nhiễm). Anh T. có hai con và bố mẹ già sống phụ thuộc vào thu nhập của anh. Trước đây, anh từng là công nhân may tại khu công nghiệp với mức thu nhập trung bình của cả vợ và chồng là 10.000.000 VNĐ. Nhưng dịch COVID-19 bùng phát đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống gia đình anh. Khi dịch xảy ra, cả hai vợ chồng anh đều bị nhiễm Covid và phải cách ly tại nhà và đều mất việc và thu nhập. Vì nằm trong khu vực bị phong tỏa và lại mất thu nhập, gia đình anh chị đã phải sử dụng hết tiền tiết kiệm và vay mượn từ người thân. Trường học cũng đóng cửa nên anh H phải vay tiền người thân để mua điện thoại thêm cho các con học trực tuyến tại nhà. Anh không nhận được bất kỳ khoản hỗ trợ nào trong gói 26 nghìn tỉ. Điều làm anh lo lắng nhất hiện nay là khi nào có thể đi làm lại được để có thu nhập trang trải chi tiêu trong gia đình.

Chị S, 25 tuổi, khuyết tật nhìn, người dân tộc M'Nong, sống tại thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông là khu vực có ghi nhận một số ổ dịch Covid 19. Chị S làm nghề xoa bóp bấm huyệt. Trước đây, cơ sở tắm giặt của chị mở cửa đều đặn khoảng 30 ngày/tháng nhưng từ khi bùng dịch Covid 19, rất nhiều ngày chị không có khách, phải đóng cửa. Thu nhập giảm khoảng 30% khiến cuộc sống đã khó khăn ngày càng khó khăn hơn. Chị gặp khó khăn về tiếp cận thông tin chính thức, chính xác về bảo vệ sức khỏe, phòng chống COVID-19, bao gồm thông tin về vắc-xin và tiếp cận các phòng khám, các dịch vụ kiểm tra sức khỏe và khám các bệnh không phải Covid-19.

Gia đình chị không có khoản tiết kiệm nào nên chị rất lo lắng nếu dịch bùng phát mạnh ở địa phương khiến cơ sở tắm quất của chị bị đóng cửa thì chị không biết sẽ vay mượn ở đâu để chi trả sinh hoạt phí.

Chị, T. 26 tuổi là người sử dụng xe lăn, sống tại đường Lê Duẩn, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Do tình trạng khuyết tật đặc biệt nặng và điều kiện gia đình, chị không được đi học, phải sống phụ thuộc hoàn toàn trợ cấp xã hội hàng tháng và lương hưu của bố mẹ. Vào tháng 9 năm 2021, chị là bệnh nhân F0 phải đi cách ly tập trung. Trước đó, chị chưa tiêm mũi vắc xin nào do lo sợ rằng tình trạng sức khỏe của chị không đảm bảo để được tiêm Vắc xin. Trong khu vực cách ly, chị gặp khó khăn lớn nhất về điều kiện tiếp cận cho người khuyết tật, đặc biệt là nhà vệ sinh quá bé cho xe lăn. Trước khi phát hiện mình bị F0, khi có một số biểu hiện ho sốt, chị không dám đi khám bệnh vì lo sợ bị nhiễm Covid nên khiến tình trạng bệnh nặng hơn cho đến khi phải đi cấp cứu tại bệnh viện. Thu nhập của chị và gia đình không bị ảnh hưởng trong thời gian Covid 19, nhưng gia đình cũng cố gắng cắt giảm khoảng 1/3 chi phí sinh hoạt, giảm chi phí điện và nước so với trước Covid 19 để có khoản tiền tiết kiệm cho các tình huống khẩn cấp trong tương lai gần.